**BUỔI 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 4**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP**  **QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU** |

-------🙢🕮🙠-------

|  |
| --- |
| Việt Nam đất nước ta ơi  Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.  (Nguyễn Đình Thi*)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức: Giúp HS:**

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản thơ lục bát: tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản: cảm nhận được nội dung và giá trị nghệ thuật của các bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp quê hương; những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Chuyện cổ nước mình*; cảm nhận được nội dung, ý nghĩa và những nét độc đáo trong cảm xúc của tác giả Thép Mới ở văn bản Cây tre Việt Nam.

- Ôn tập khắc sâu kiến thức về hiện tượng từ đồng âm và từ đa nghĩa, biện pháp tu từ hoán dụ

- HS hiểu được cách làm thơ lục bát, vận dụng kiến thức lí thuyết đã học để tự sáng tác một bài thơ lục bát

- Biết cách viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**2. Năng lực:**

- *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

- *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, trách nhiệm bảo vệ đất nước.

- Bồi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn qua tìm hiểu các lễ hội truyền thống dân tộc.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 6, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

- Tài liệu ôn tập bài học.

- Các phiếu học tập.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Hoạt động 1 : Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.

**b. Nội dung hoạt động:** HS báo cáo sản phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án:**

- Nhóm 1: Tập làm phóng viên hoặc hướng dẫn viên du lịch: Nếu được nói những ấn tượng đẹp đẽ sâu sắc về quê hương, em sẽ nói những gì?

- Nhóm 2:Tập làm hoạ sĩ: Vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của một bài ca dao hoặc một văn bản trong bài 4 (ghép nhiều tranh lại theo trình tự tạo thành 1 truyện tranh).

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

**B3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 4:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Chùm ca dao về quê hương đất nước.* |
| ***+ Văn bản 2:*** *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ). |
| ***Văn bản 3 :*** *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới).. |
| **Thực hành Tiếng Việt:** - Từ đồng âm và từ đa nghĩa, biện pháp tu từ hoán dụ |
| - VB thực hành đọc: *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu) |
| Viết | **Viết:**  Tập làm một bài thơ lục bát.  Viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về thơ lục bát. |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:**  Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. |

**Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức cơ bản**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học: Bài 4: Quê hương yêu dấu

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,
* HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi củaGV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 4.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực trả lời.
* GV khích lệ, động viên

**B3: Báo cáo sản phẩm**

* HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
* Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ LỤC BÁT**

**Câu hỏi ôn tập**: Em hãy nhắc nhanh lại những yếu tố hình thức của một bài thơ nói chung và những đặc điểm của thể thơ lục bát.

**Gợi ý trả lời**

**1. Một số yếu tố hình thức của bài thơ**

- Dòng thơ gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; các dòng thơ có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn.

- Vần là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại (hoàn toàn hoặc không hoàn toàn) phần vần của âm tiết. Vân có vị trí ở cuối dòng thơ gọi là vần chân, ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng.

- Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. Ngắt nhịp tạo ra sự hài hoà, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ.

**2. Đặc điểm của thơ lục bát**

- Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.

***- Số câu, số chữ mỗi dòng:*** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).

***- Gieo vần:***

+ Gieo vần chân và vần lưng.

+ Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo

***- Ngắt nhịp:***  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)

**3. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ lục bát**

Câu hỏi ôn tập: Em cần lưu ý những điều gì khi đọc hiểu một bài thơ lục bát?

**Gợi ý trả lời**

**Khi đọc hiểu một tác phẩm thơ lục bát, ta cần tuân thủ những yêu cầu dưới đây:**

- Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, năm xuất bản, tìm hiểu những thông tin liên quan đến hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- **Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?**

- Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua **các yếu tố hình thức của bài thơ lục bát: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,…**. Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,… Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,… mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình

**- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.**

**-**Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.

**✪ ÔN TẬP VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

**🞜** **Văn bản 1: *Chùm ca dao về quê hươngđất nước***

1. **KIẾN THỨC CHUNG VỀ CA DAO**

**1. Định nghĩa**: Ca dao là một hình thức thơ ca dân gian truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam.

**2. Đặc điểm hình thức**:

+ Ca dao sử dụng nhiều thể thơ, trong đó nhiều bài viết theo thể lục bát. Mỗi bài ca dao ít nhất có hai dòng.

+ Thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ, phép lặp hình ảnh, từ ngữ; lời ca dao thường ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ (2- 4 dòng)

**3. Đặc điểm nội dung**: Chủ yếu phản ánh tâm tư, tình cảm trong tâm hồn của con người (*tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu nam nữ, tình bạn, tình vợ chồng, than thân trách phận..*.). Tình yêu quê hương đất nước là 1 trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người Việt Nam

**II. VĂN BẢN “*Chùm ca dao về quê hương”***

* GV giao nhiệm vụ: Hãy hoàn thiện phiếu học tập sau: Chia lớp thành 3 nhóm

HS nhớ lại và ôn tập về 3 bài ca dao. Từ đó tìm ra điểm chung của 3 bài ca dao.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |

**\*Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Tác dụng** |
| **1** | + Hình ảnh *“cành trúc la đà”, “khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ Ẩn dụ:“Mặt gương Tây Hồ”* | Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. Tình yêu, niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của Thăng Long. |
| **2** | + cách dùng câu hỏi, và những  cách tính độ dài đường đi cụ  thể, vừa mộc mạc *“ bao xa”,*  *“một trái núi, ba quãng đồng”*  +*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời  +: *“Núi thành Lạng”, “sông*  *Tam Cờ”* vẻ đẹp của cảnh sắc  núi sông*.*  *+“Kìa”* điệp từ | -Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, nên  thơ của xứ Lạng.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian |
| **3** | + Các địa danh liệt kê: chợ  Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ,  Ngã Ba Sình.  + Từ láy *“lờ đờ”*  + Âm thanh *“tiếng hò xa vọng”* | - Vẻ đẹp của xứ Huế mộng mơ, êm đềm, trầm mặc với sông nước mênh mang, điệu hò tha thiết lay động lòng người.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian. |

**1. Thể thơ: Lục bát**

**2. Chủ đề: Tình cảm yêu quê hương đất nước**

**3. Nghệ thuật.**

- Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .

- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi

- Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.

**4. Nội dung.**

- Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.

- Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.

- Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:**  - Giới thiệu về đặc trưng thể loại ca dao: Là thể loại trữ tình diễn tả tâm trạng, cảm xúc của con người, gắn với các hình thức sinh hoạt.  - Giới thiệu về chùm ca dao về **tình yêu quê hương đất nước** là bộ phận phong phú trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam. Từ những câu hát ca ngợi vẻ đẹp của đất nước quê hương, nhân dân ta gửi gắm tình yêu, niềm tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:** |
| **Bài 1**  Gió đưa cành trúc la đà, Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ Xương. Mịt mờ khói toả ngàn sương, Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.  **\* Bức tranh thiên nhiên thơ mộng, yên bình**  + Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”* *“mịt mù khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ “Mặt gương Tây Hồ”*  *Nghệ thuật: chọn lựa hình ảnh, âm thanh*  *Từ láy “la đà”, “mịt mù”; hình ảnh ẩn dụ “mặt gương Tây Hồ”.* **Tác giả vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu vào buổi sáng sớm nơi kinh thành Thăng Long. Không gian buổi sáng sớm tinh mơ, cả kinh thành ẩn hiện trong màn sương mơ màng**.  + Nổi bật là cành trúc nhẹ nhàng, đung đưa, lay động theo làn gió nhẹ.  + Âm thanh: Xa xa văng vẳng tiếng chuông Trấn Vũ, tiếng gà tàn canh Thọ Xương vọng tới . Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy. Âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu.  **\* Cuộc sống lao động của nhân dân bắt đầu** *“nhịp chày Yên Thái”*ngân vang dồn dập, khẩn trương. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ của kinh đô.  + Vẻ đẹp nên thơ, huyền ảo của Hồ Tây qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”*  **Nhận xét:** Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình  **\* Cảm xúc của tác giả:** Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước: |
| **Bài 2**  Ðường lên xứ Lạng bao xa? Cách một quả núi với ba quãng đồng. Ai ơi, đứng lại mà trông, Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.  **\* Hai câu đầu:**  **Giới thiệu con đường lên xứ Lạng:** “bao xa*” “một trái núi”, “ba quãng đồng”* trữ tình cách dùng câu hỏi, và những cách tính độ dài đường đi cụ thể, vừa mộc mạc, dân dã đo đường *bằng cánh đồng, trái núi*. Qua đó, tác giả muốn thiết tha mời gọi mọi người đến với xứ Lạng, đó là con đường gần gũi, thơ mộng, không có gì cách trở.  **\* Hai câu sau: Lời mời gọi đến với xứ Lạng:**  - Lời mời gọi thiết tha:  **+** Hai chữ*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời, hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.  + Cụm từ*“đứng lại mà trông”* lời đề nghị tha thiết, ông cha ta muốn nhắc nhở về sự ghi nhớ cội nguồn, là tình yêu bao la đối với quê hương đất nước.  **- Vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng:**  +Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn.  + *“Kìa”* hai lần lặp lại trong một câu thơ, tạo ta phép điệp từ, mở ra liên tiếp khung cảnh kì vĩ của thiên nhiên xứ Lạng, đồng thời diễn tả niềm tự hào, ngỡ ngàng trước bức tranh thiên nhiên khoáng đạt, mênh mông của mảnh đất Lạng Sơn.  **Nhận xét:** Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mêng mông của xứ Lạng.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng |
| **Bài 3**  Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá, Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sình. Lờ đờ bóng ngả trăng chênh, Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.  **Bức tranh tuyệt đẹp về Huế:**  **\*** Hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế: - Các địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương được liệt kê: chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sình gợi đến những chuyến đò xuôi ngược.  - Hình ảnh:  + Những chuyến đò nối liền các địa danh nổi tiếng mở ra một miền sông nước mênh mông, thơ mộng, trữ tình của Huế.  + Hình ảnh ánh trăng *“Lờ đờ”* từ láy đặt đầu câu thơ *“Lờ đờ bóng ngả trăng chênh”,* khắc họa bức tranh sông Hương trong không gian chìm ánh trăng thơ mộng, huyền ảo. Thiên nhiên hòa nhịp với cuộc sống của người dân lao động,  + Âm thanh tiếng hò trên sông: *“Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non”*. Đó là những làn điệu dân ca Huế tha thiết, ngọt ngào, vang vọng, lan tỏa trên mênh mang sông nước; tiếng hò chan chứa tình yêu đất nước.  **Nhận xét:** Với hình thức lục bát biến thể, bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, trầm mặc, với sông nước mênh mang, với điệu hò thiết tha lay động lòng người.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế |
| * 1. **Đánh giá vấn đề**   **\*Khái quát đặc sắc vè nội dung, nghệ thuật của chùm ca dao**  **a. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi  - Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.  **b. Nội dung.**  - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.  - Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.  - Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.  **\*Bày tỏ thái độ của bản thân**: Thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc qua các bài ca dao ấy. |

**II.****ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

Ca dao là thể loại trữ tình diễn tả tâm trạng, cảm xúc của con người, gắn với các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian. Ca dao về **tình** **yêu quê hương đất nước** là bộ phận phong phú trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam. Từ những câu hát ca ngợi vẻ đẹp của đất nước quê hương, nhân dân ta gửi gắm tình yêu, niềm tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.

Đến với bài ca dao thứ nhất, chúng ta đến với vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long thuớ xa xưa

Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ Xương.  
Mịt mờ khói toả ngàn sương,  
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

**Đọc bài ca dao, bức tranh thiên nhiên thơ mộng, yên bình của kinh thành Thăng Long mở ra trước mắt người đọc. Trong không gian của buổi sáng mùa thu, khung cảnh Thăng Long được miêu tả bằng vài nét chấm phá.** Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”* gợi tả không gian buổi sáng mùa thu, gió rất nhẹ, gió không thổi mà chỉ đưa nhẹ nhàng làm đung đưa những cành trúc la đà sát mặt đất. Cành trúc được làn gió thu trong trẻo, mát lành vuốt ve êm dịu, cùng với gió cành trúc khẽ lay động bay cùng chiều gió. Cảnh sắc gợi ra cái êm đềm, trong trẻo của khí thu mát mẻ trong lành. Câu thơ có màu xanh của trúc, cử động khe khẽ của gió, và đương nhiên khí thu, tiết thu, bầu trời khoáng đạt cũng hiện ra thật rõ nét. Bức tranh không chỉ được cảm nhận bằng thị giác, mà còn cả thính giác. Đó là âm thanh quen thuộc của cuộc sống đời thường. Âm thanh rất bình dị:*“Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương”.* Xa xa văng vẳng tiếng chuông Trấn Vũ, tiếng gà gáy tàn canh ở huyện Thọ Xương vọng tới, báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy tạo ra âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu. Khói toả mịt mù được đảo lại “*mịt mù khói toả*”. Thủ pháp nghệ thuật đảo ngữ làm tăng sự huyền ảo lung linh của cảnh vật, của cuộc sống. Mặt đất một màu trắng mờ, do màn sương bao phủ. Đây cũng là cách miêu tả lấy động tả tĩnh, tả cảnh theo trình tự từ gần đến xa, t**ác giả vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu vào buổi sáng sớm nơi kinh thành Thăng Long. Không gian buổi sáng sớm tinh mơ, cả kinh thành ẩn hiện trong màn sương mơ màng**.

**Trong không gian ấy, cuộc sống lao động của nhân dân bắt đầu** *“nhịp chày Yên Thái”*ngân vang dồn dập, khẩn trương. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ nơi kinh đô. Vẻ đẹp nên thơ, huyền ảo của Hồ Tây được miêu tả qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”.* Hồ Tây tựa như một chiếc gương khổng lồ phản chiếu những sắc màu và nhịp sống vừa rộn rã vừa yên bình của Thăng Long*.*

Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình

Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước

Khác với bài ca dao thứ nhất, bài ca dao thứ hai lại có một hình thức rất đặc biệt, đó là hình thức lời mời, lời gọi thiết tha, đây là hình thức sinh hoạt phổ biến trong ca dao. **Tác giả dân gian giới thiệu vẻ đẹp của xứ Lạng, nơi địa đầu tổ quốc, nơi có thiên nhiên hùng vĩ, hữu tình:**

Ðường lên xứ Lạng bao xa?  
Cách một quả núi với ba quãng đồng.  
Ai ơi, đứng lại mà trông,  
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.

**Hai câu đầu bài ca giới thiệu con đường lên xứ Lạng:** “bao xa*” “một trái núi”, “ba quãng đồng”*; tác giả cách dùng câu hỏi, và những cách tính độ dài đường đi cụ thể, vừa mộc mạc, dân dã đo đường *bằng cánh đồng, trái núi*. Qua đó, tác giả muốn thiết tha mời gọi mọi người đến với xứ Lạng, đó là con đường gần gũi, thơ mộng, không có gì cách trở. **Hai câu sau là lời mời gọi thiết tha đến với mảnh đất Lạng Sơn hùng vĩ.** “Ai” ở đây là đại từ, không chỉ một đối tượng cụ thể, đó là mọi người, ai yêu mến, quan tâm đến vùng đất nơi đây. Ca dao thường dùng “ai” để bộc lộ, dãi bày suy nghĩ, tâm tư, tình cảm sâu kín trong lòng người như “Ai ơi bưng bát cơm đầy...”, “Ai làm cho bể kia đầy?...”**.** Hai chữ*“ai ơi”*ở đây chính là tiếng gọi, lời mời, hướng tới ai đó, đồng thời tạo nên giọng thơ tâm tình, tha thiết. Cụm động từ*“đứng lại mà trông”* lời đề nghị tha thiết, lời nhắn nhủ mộc mạc, ân tình, nhẹ nhàng mà không kém phần duyên dáng. Ông cha ta muốn nhắc nhở về sự ghi nhớ cội nguồn, về mảnh đất mà cha ông đã tranh đấu, giữ gìn cho tổ quốc trước bao cuộc chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ của kẻ thù. Hẳn những câu ca dao như thế đã bồi đắp cho chúng ta tình yêu đối với quê hương đất nước.

**Vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng như thế nào. Câu cuối bài ca dao tác giả liệt kê những gì tiêu biểu nhất, đáng tự hào vô cùng của Lạng Sơn. Đó chính là v**ẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn. Từ *“Kìa”* hai lần lặp lại trong một câu thơ, tạo ta phép điệp từ, mở ra liên tiếp khung cảnh kì vĩ của thiên nhiên xứ Lạng, đồng thời diễn tả niềm tự hào, ngỡ ngàng trước bức tranh thiên nhiên khoáng đạt, mênh mông của mảnh đất Lạng Sơn. Thiên nhiên ban tặng cho xứ Lạng một vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mêng mông của núi của sông. Bài ca cho ta hình dung chủ thể trữ tình đang đứng trước núi non hùng vĩ, đang đưa mắt ngắm nhìn bao quát cảnh núi sông mà lòng dâng lên niềm tự hào, yêu mến thiết tha với quê hương xú sở.

Ca dao về tình yêu quê hương đất nước luôn là dòng chảy thiết tha trong tâm hồn người Việt. Và không gian sinh hoạt của văn hóa dân gian không chỉ ở sân đình, ở trên cánh đồng, ruộng lúa...Mà đối với con người miền Trung, câu hát dân ca vang lên trên sông nước mênh mông, trong điệu hò, điệu lí mênh mang. Bài cau dao sau là một ví dụ:

Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,  
Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sình.  
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,  
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

**Vẻ đẹp của xứ Huế được khắc họa vô cùng** đặc sắc. Những chuyến đò nối liền các địa danh nổi tiếng mở ra một miền sông nước mênh mông, thơ mộng, trữ tình của Huế. Tác giả dùng phép liệt kê các địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương như chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sình. Hai câu thơ đầu kéo dài 8 tiếng, ngắt nhịp 4/4, cách phối thanh điệu đặc biệt ở các tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám: "qua", "Sình", "chênh". "tình" là thanh bằng; tiếng "Dạ", "ngả", "vọng" là thanh trắc, tuy nhiên tiếng "Ba" lại là thanh ngang. Câu thơ lục bát biến thể tạo ra âm điệu rất riêng như chính con người Huế, và cùng chính câu thơ kéo dài bất thường như mở ra trước mắt người đọc những chuyến đò xuôi ngược trên dòng sông Hương. Đây là nhịp sống, là hơi thở của cuộc sống yên ả, thanh bình của vùng đất Huế thơ mộng. Trên những chuyến đò dài ấy, con người như cảm nhận được tất cả vẻ đẹp của thiên nhiên. Không phải là gió, là mây, là sương, là cành trúc, mà đó là bóng trăng chênh. Hình ảnh bóng trăng *“Lờ đờ”* từ láy đảo ngữ đặt đầu câu thơ *“Lờ đờ bóng ngả trăng chênh”* khiến dòng sông Hương trở nên huyền ảo thơ mộng, trữ tình. Đêm về khuya, cả dòng sông Hương đắm chìm ánh trăng thơ mộng. Thiên nhiên hòa nhịp với cuộc sống của người dân lao động.

Bức tranh lao động được tô điểm bằng âm thanh của điệu hò sông nước. Âm thanh tiếng hò trên sông: *“Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non”* gợi cho ta liên tưởng làn điệu dân ca Huế tha thiết, ngọt ngào, vang vọng, lan tỏa trên mênh mang sông nước; tiếng hò chan chứa tình yêu đất nước. Lấy âm thanh tiếng hò khép lại bài ca cao, tác giả đã làm nổi bật một bức tranh lao động bình dị, chăm chỉ, con người xứ Huế cần cù, yêu đời, có tâm hồn lãng mạn, dù vất vả nhưng vẫn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương tha thiết.

Tóm lại bài ca dao thứ 3 với hình thức lục bát biến thể, bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, trầm mặc, với sông nước mênh mang, với điệu hò thiết tha lay động lòng người. Bài ca dao chứa chất tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế.

Tóm lại, các bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm; ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm; sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, đa dạng trong cách thức thể hiện: mời gọi, bày tỏ cảm xúc kín đáo. Những bài ca dao trên đã cất lên tiếng hát chan chứa tình yêu, niềm tự hào về vẻ đẹp của mọi miền quê hương đất nước. Vẻ đẹp về một đất nước được thiên nhiên ban tặng vẻ đẹp núi sông, có truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời phong phú, đậm đà bản sắc. Các bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của mọi miền quê hương, từ Bắc tới Nam...., từ đó bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước. Đọc ca cao về vẻ đẹp quê hương giúp mỗi người hiểu được trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu đẹp, thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc qua các bài ca dao ấy.

**IV.** **LUYỆN ĐỀ**

\*Đề đọc hiểu :

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản

**Đề bài 01:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,  
Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sình.  
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,  
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

*(Ca dao)*

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của bài ca dao trên?

**Câu 2**. Bài ca dao sử dụng từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế?

**Câu 3.** Hãy giải thích nghĩa của từ “***nặng***” trong câu “*Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non*”. Lấy ví dụ về từ “***nặng”***  nhưng mang nghĩa khác với nghĩa từ “***nặng”***  trong câu thơ trên.

**Câu 4.** Sưu tầm 2 bài ca dao viết về quê hương em.

**Câu 5:** Điểm chung của các bài ca dao về quê hương đất nước ở điểm nào. Chỉ ra vài đặc điểm tiêu biểu để em nhận biết chủ đề ấy?

*Gợi ý:*

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của bài ca dao trên: Biểu cảm

**Câu 2**. Bài ca dao sử dụng từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế là:

- Các từ ngữ chỉ địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương được liệt kê: chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sình.

- Hình ảnh: những chuyến đò trên sông, ánh trăng *“Lờ đờ”* từ láy đặt đầu câu thơ *“Lờ đờ bóng ngả trăng chênh”,* âm thanh tiếng hò thấm đãm tình yêu quê hương đất nước

**Câu 3.**

Nghĩa của từ “***nặng”***  trong câu ca dao: “Tiếng hò xa vọng, **nặng** tình nước non” là: tình cảm yêu thương đong đầy, sâu nặng, chất chứa từ lâu.

- Một số ví dụ có từ “***nặng”*** được dùng với nghĩa khác:

+ Túi hoa quả này nặng quá ;

+ Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng.

**Câu 4.** Sưu tầm 2 bài ca dao viết về quê hương em.

(HS tự sưu tầm. Gửi lên zalo cho giáo viên hoặc một phền mền quy định của lớp)

**Câu 5:** Điểm chung của các bài ca dao về quê hương đất nước ở điểm nào. Chỉ ra vài đặc điểm tiêu biểu để em nhận biết chủ đề ấy?

- Điểm chung của các bài ca dao về quê hương đất nước: Bộc lộ tình yêu mến tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên, về cuộc sống lao động của con người.

- Đặc điểm tiêu biểu để em nhận biết chủ đề

+ Có từ ngữ là tên địa danh nổi tiếng của một vùng đất: tên sông, tên núi, tên địa danh...

+ Có hình ảnh thiên nhiên nổi bật của vùng quê được nói tới (tùy theo đặc điểm địa hình)

+ Dùng kết hợp tự sự và miêu tả để bộc lộ tình yêu mến tự hào của tác giả.

+ Hay xuất hiện lời gọi, lời mời ...

**Đề bài 02:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Ðường lên xứ Lạng bao xa?  
Cách ba quả núi với ba quãng đồng.  
Ai ơi đứng lại mà trông,  
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.

*(Ca dao)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. Văn bản trên do ai sáng tác?

**Câu 2**. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh nào?

**Câu 3.** Cụm từ “Ai ơi” trong bài ca hướng đến ai và để làm gì?

**Câu 4.** Thông điệp nào có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước? Lí giải tại sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: Biểu cảm

Tác giả: nhân dân lao động.

**Câu 2**. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh :Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn

**Câu 3.**

+ Hai chữ*“ai ơi”*hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.

+ Hai chữ*“ai ơi”* là tiếng gọi, lời mời thiết tha, chân thành của tác giả.

**Câu 4.** Thông điệp có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước là:

+ Mỗi người cần có trách nhiệm với quê hương đất nước, có ý thức bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp của đất nước.

+ Tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm vô cùng cao đẹp, rộng lớn và rất quan trọng với mỗi người.

+ Bài học về việc gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc

....

(HS có thể đưa ra một thông điệp có ý nghiã nhất là được, nếu HS nêu 2 thông điệp thì không cho điểm)

Lí giải tại sao?

(HS có thể bày tỏ quan điểm phù hợp)

**Đề bài 03:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Bình Định có núi Vọng Phu,  
Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh.  
Em về Bình Định cùng anh,  
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

**Câu 2.** Hãy chọn và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong một bài ca dao trên.

**Câu 3.** Viết theo trí nhớ 2 bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao trên.

**Câu 4.** Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu một vẻ đẹp của quê hương mà em tự hào nhất. *(câu hỏi này GV nên giao ngay sau tiết học buổi sáng của VB để HS có sự tìm hiểu tốt nhất- áp dụng kĩ thuật dạy học dự án)*

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2.**

- Biện pháp tu từ điệp từ *“có”* trong câu lục bát *“Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh”*

**- Tác dụng của biện pháp điệp từ (điệp ngữ)**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Điệp từ này đã góp phần nhấn mạnhsự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu.

+ Làm cho bài ca dao có âm hưởng nhịp nhàng, du dương, trầm bổng, tạo sự liên kết giữa các câu thơ trong bài.

**Câu 3.** HS có viết ra 2 bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước trong hoặc ngoài sách giáo khoa.

**Câu 4.** Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu về:

Hs đưa ra quan điểm cá nhân: có thể giới thiệu về vẻ đẹp quê hương với nét đẹp riêng. Có thể về tên các danh lam thắng cảnh, món ăn, lịch sử, văn hóa, phong tục...

*(Chỉ cần HS nêu tên và nét đẹp nổi bật đối tượng được giới thiệu. Tuy nhiên GV nên khuyến khích HS có sự chuẩn bị chu đáo, thậm chí các em có thể làm một bài giới thiệu ngắn có tranh, ảnh, clip minh hoạ*)

*Ví dụ: Nam Định quê mình có di tích Đền Trần.*

Di tích đền Trần và chùa Phổ Minh (thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định) gắn liền với những nhân vật lịch sử thời Trần. Triều đại nhà Trần tồn tại hơn 175 năm (1225 – 1400), đã để lại cho dân tộc ta những thành tựu to lớn về nhiều lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, quân sự…  
Đền Trần và chùa Phổ Minh cũng là một trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng lớn ở khu vực châu thổ sông Hồng. Hàng năm, tại đây diễn ra một số lễ hội, với nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian đặc sắc, mang ý nghĩa ghi nhớ và tôn vinh thời đại nhà Trần. Trong đó, có hai kỳ lễ hội quan trọng nhất là lễ Khai ấn đầu Xuân và lễ hội tháng Tám – kỷ niệm ngày mất của vị anh hùng dân tộc, Đức thánh Trần Hưng Đạo



**🞜 Văn bản 2: Chuyện cổ nước mình**

*(Lâm Thị Mỹ Dạ)*

**I. TÁC GIẢ**

**-** Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở huyện [Lệ Thủy](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%87_Th%E1%BB%A7y,_Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh), tỉnh [Quảng Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh)

- Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.

- Tập thơ tiêu biểu của nhà thơ: Hái tuổi em đầy tay (thơ, 1989); *Mẹ và con* (thơ, 1994); *Hồn đầy hoa cúc dại* (thơ, 2007)...

1. **VĂN BẢN: Bài thơ “Chuyện cổ nước mình”**

**a. Năm sáng tác**: Sáng tác năm 1979

**b. Thể thơ**: lục bát

+ Gieo vần: *“ta- xa”, “hiền- tiên”...*

+ Ngắt nhịp câu sáu: 2/2/2; câu tám: 4/4

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**c. Bố cục: 2 phần**

- Phần 1: Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.

- Phần 2: Ý nghĩa chuyện cổ nước mình.

**3. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

***\* Nghệ thuật:***

- Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ.

- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình

- Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)….

***\* Nội dung:***

- Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.

- Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau.

**III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:** Giới thiệu tác giả, văn bản, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật… |
| **1.2. Giải quyết vấn đề**  ***1.2.1. Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình (06 câu đầu)***  - Chuyện cổ nước mình giàu lòng nhân ái: đó là tình thương giữa con người với con người.  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng….  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm tình thương người bao la và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành":  *Ở hiền thì lại gặp hiền*  *Người ngay thì gặp người tiên độ trì*  Chuyện cổ nước mình phản ánh ý nghĩa cuộc sống một cách sâu xa, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa.  Chuyện cổ nước mình là một kho tàng chuyện phong phú, đa dạng.  ***1.2.2. Ý nghĩa chuyện cổ nước mình (20 câu tiếp)***   1. **Hành trang tinh thần**   - Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần: sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, đi tới mọi miền quê xa xôi…  **-** *Mang theo chuyện cổ tôi đi*  *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa.*  *Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa.*  *Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*  **b. Phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại**  *-* Đọc chuyện cổ nước mình như được gặp lại ông cha, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình.  **-** Giúp thế hệ đời sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng tình nhân ái bao la…  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  - Truyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ: *đời cha ông với đời tôi*  - Vì truyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa (*người thơm*: người có phẩm chất tốt đẹp)  - Chứa đựng bài học ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ . - Hai câu cuối nhấn mạnh lời răn dạy của ông cha ta về lẽ sống, về tình thương, về nhân cách, về đức độ, sự cần cù, lòng nhân ái,…  Đó là bài học quý giá cho con cháu đời sau.  ***1.2.3. Suy ngẫm về sức sống lâu bền của chuyện cổ ( 04 câu cuối)***  “Sẽ đi qua cuộc đời tôi Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi. Nhưng bao chuyện cổ trên đời Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”   * Dù thời gian có chuyển dời thì giá trị của chuyện cổ vẫn vẹn nguyên với các thế hệ mai sau |
| * 1. **Đánh giá vấn đề**   **\* *Nghệ thuật:***  - Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ; sử dụng ngôn từ mộc mạc gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân...  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình  - Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)….  ***\* Nội dung:***  - Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.  - Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau.  - Bày tỏ tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ về kho tàng chuyện cổ nói riêng, về vẻ đẹp truyền thống văn hóa dân tộc nói chung.  **\*Bày tỏ thái độ của bản thân**: Thêm tự hào, yêu quý và trân trọng những vẻ đẹp văn học dân gian. |

**2. Định hướng phân tích (Dành cho HS giỏi)**

Mỗi con người, ngay khi cất tiếng khóc chào đời ai cũng được lớn lên trong lời ru ngọt ngào của mẹ, trong lời kể chuyện thủ thỉ của bà. Chuyện cổ đã nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người, làm hành trang cho chúng ta trong cuộc đời dài rộng. Bằng tình yêu đối với những câu chuyện cổ của dân tộc, tác giả Lâm Thị Mỹ Dạ đã viết nên bài thơ “**Chuyện cổ nước mình"**. Với thể thơ lục bát, âm điệu nhẹ nhàng, mang màu sắc ca dao, dân ca, qua bài thơ, Lâm Thị Mỹ Dạ đã ca ngợi vẻ đẹp và ý nghĩa sâu xa của kho tàng chuyện cổ nước mình – nơi chứa đựng bao bài học quý báu của ông cha truyền lại cho con cháu đời sau.

Bài thơ được viết theo thể lục bát giản dị, cách gieo vần linh hoạt cùng với thanh điệu vô cùng hài hòa. Bài thơ có thể chia thành 3 phần: 06 câu đầu là vẻ đẹp của chuyện cổ nước mình; 20 câu tiếp là ý nghĩa của những câu chuyện cổ và 04 câu cuối là suy ngẫm của nhà thơ về sức sống của chuyện cổ. Bằng ngôn ngữ bình dị, sử dụng sáng tạo chất liệu văn hoá dân gian, tác giả đã ca ngợi vẻ đẹp cũng như ý nghĩa của những câu chuyện cổ, khẳng định sức sống của văn hoá truyền thống dân gian để từ đó khơi dậy trong lòng người đọc về niềm tự hào về những giá trị văn hoá tinh thần của cha ông.Tác giả vửa kể, gợi câu chuyện cổ, vừa bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm về giá trị của chuyện cổ với mình. Việc kể, gợi nhắc làm cơ sở để bộc lộ suy ngẫm. Mạch tự sự và mạch cảm xúc đan xen, nâng đỡ trong suốt bài thơ, tạo ra chiều sâu triết lí cho bài thơ.

"Chuyện cổ " là những câu chuyện xa xưa do nhân dân ta sáng tạo ra qua hàng ngàn năm lịch sử, thể hiện tâm hồn Việt Nam, bản sắc nền văn hóa Việt Nam.

**Mở đầu bài thơ, nhân vật trữ tình đã khái quát tình cảm của mình với vẻ đẹp của chuyện cổ nước mình:**

“Tôi yêu chuyện cổ nước tôi

Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa”

Tình cảm của nhân vật trữ tình được bộc lộ trực tiếp qua từ “yêu”. Tình cảm đó cho thấy sự trân trọng, gắn bó, say mê của “tôi” đối với kho tàng chuyện cổ dân tộc. Lí do mà “tôi” lại yêu chuyện cổ nước mình vì chính vẻ đẹp của nó. Nhà thơ sử dụng các tính từ để khái quát vẻ đẹp của chuyện cổ: “nhân hậu” – “tuyệt vời” – “sâu xa”. Chỉ cần ba tính từ đã đủ để khẳng định những giá trị cốt lõi của chuyện cổ.

Những vẻ đẹp của chuyện cổ được cụ thể hoá qua những đạo lí được cha ông gửi gắm:

Thương người rồi mới thương ta  
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm  
Ở hiền thì lại gặp hiền  
Người ngay thì gặp người tiên độ trì

Vẻ đẹp *nhân hậu, tuyệt vời, sâu sa* hay cũng chính là vẻ đẹp của tâm hồn, trí tuệ cha ông đúc kết. Đó là bài học về lối sống giàu lòng nhân ái, chan chứa tình thương giữa con người với con người “*Thương người rồi mới thương ta*”; ân nghĩa, thuỷ chung trong tình yêu “*Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*”; cũng như niềm tin về lẽ công bằng trong xã hội “*Ở hiền thì lại gặp hiền*”. Điều thú vị là những dẫn chứng về vẻ đẹp của chuyện cổ lại được tác giả khéo léo gợi nên qua những chất liệu văn hoá dân gian – vốn là sản phẩm tinh thần của cha ông. Đó là những câu tục ngữ, ca dao được tác giả gợi lên qua một số từ hoặc cụm từ như câu ca dao “Yêu nhau mấy núi cũng leo- Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua” hay qua câu tục ngữ “Thương người như thể thương thân”, “Ở hiền gặp lành” hay . Triết lí bao quát hầu hết trong các chuyện cổ là triết lí "Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo", thể hiện niềm tin của nhân dân ta gửi gắm trong chuyện cổ. Câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ gợi nhớ trong lòng ta bao chuyện cổ, bao hình ảnh, bao nhân vật. Anh trai cày hiền lành được Phật trao cho câu thần chú: "Khắc nhập! Khắc xuất" mà lấy được vợ đẹp con nhà giàu (Truyện "Cây tre trăm đốt”). Người em cần cù, trung hậu được con chim phượng hoàng đền đáp "ăn một quả trà cục vàng" mà trở nên giàu có hạnh phúc; trái lại người anh tham lam mà chết chìm xuống đáy biển (Truyện "Cây khế". Thạch Sanh được Tiên "độ trì" mà trở nên võ nghệ cao cường, có lắm phép thần thông biến hóa, đã giết chết Trăn tinh, bắn chết Đại Bàng, có đàn thần để lui giặc, được làm phò mã, rồi được làm vua; trái lại Lý Thông gian tham, độc ác, quỷ quyệt bị sét đánh rồi hóa thành bọ hung... Như vậy khẳng định, chuyện cổ nước mình đã phản ánh cuộc sống một cách sâu sắc, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa, đặc biệt là tình người rộng lớn.

**Kết tinh những giá trị tinh thần, về đẹp tâm hồn, trí tuệ của người xưa nên chuyện cổ có ý nghĩa vô cùng lớn lao với muôn đời.**

**Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần**, đem đến cho nhân vật trữ tình sức mạnh để vượt qua mọi thử thách "nắng mưa" trong cuộc đời, để đi tới mọi miền quê, mọi chân trời xa xôi đẹp đẽ:

"Mang theo truyện cổ tôi đi

Nghe trong cuộc sông thầm thì tiếng xưa.

Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa

Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi".

Nhân vật trữ tình trong bài thơ lớn lên từ những câu chuyện cổ qua lời kể của bà, của mẹ. Trên hành trình vô tận của cuộc sống, “tôi” có được những câu chuyện cổ là hành trang để khám phá cuộc sống. Chuyện cổ trở thành hành trang tinh thần, là điểm tựa cho “tôi” trong cuộc đời. Biện pháp nhân hóa kết hợp với đảo ngữ “t*hì thầm tiếng xưa*” để khẳng định giá trị của chuyện cổ của cha ông với cuộc sống hôm nay. “Tiếng xưa” là ẩn dụ chỉ tiếng nói, lời răn dạy của cha ông gửi gắm trong những câu chuyện. Giá trị tinh thần, triết lí nhân sinh, truyền thống văn hóa của cha ông có sức sống mãnh liệt, bồi đắp tâm hồn nhà thơ, làm hành trang trong cuộc đời “tôi”. Không chỉ bồi đắp tâm hồn, “tôi” còn trở nên vững vàng, tự tin trong cuộc đời dài rộng “*Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa”*. Dẫu cuộc đời sau này có lắm “*nắng”, “mưa*” thử thách nhưng nhờ có hành trang chuyện cổ - những giá trị tinh thần, lời dạy của cha ông soi sáng, dẫn lối thì mỗi người sẽ an nhiên trước cuộc đời, giống như dòng sông kia vẫn luôn yên bình chảy trôi soi bóng hàng dừa, ta sẽ luôn cảm nhận được vẻ đẹp của cuộc sống từ những điều bình dị nhất.

**Không chỉ làm hành trang mang theo của mỗi người, chuyện cổ còn là phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại, là sợi dây kết nối giữa ông cha với con cháu:**

Đời cha ông với đời tôi  
Như con sông với chân trời đã xa  
Chỉ còn truyện cổ thiết tha  
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình

Trong dòng chảy miên viễn của thời gian, có bao giá trị bị quên lãng, chôn vùi. Những lời dạy của cha ông, những thế hệ đi trước liệu thế hệ cháu con có biết đến? Bằng giọng thơ mang nặng suy ngẫm, triết lí, nhà thơ đã bày tỏ lòng biết ơn đối với những chuyện cổ, nhờ đó mà thế hệ nhà thơ mới biết được bộ mặt tinh thần của cha ông. Mối liên hệ giữa “đời cha ông”- thế hệ đi trước với “đời tôi” – thế hệ sau được so sánh với mối liên hệ giữa con sông với chân trời đã xa. Như dòng sông bắt đầu từ phía chân trời, cứ chảy mải miết theo dòng thời gian, ngày càng xa điểm khởi thuỷ. Cuộc đời con người cũng vậy, các thế hệ đi trước rồi sẽ dần rơi vào chiều sâu quá khứ, thế hệ sau gánh vác trách nhiệm lịch sử của thế hệ trước, tiếp tục làm dày thêm truyền thống văn hoá. Khoảng cách thời gian giữa các thế hệ được ví với khoảng cách không gian địa lí con sông – chân trời. Điệp từ “với” nhấn mạnh quan hệ gắn kết giữa các thế hệ, tạo sợi dậy liên tưởng. Có bao giá trị, bao lời dạy mà cha ông muốn gửi gắm đến con cháu đời sau, chỉ có một phương tiện có thể làm cầu nối – đó chính là những câu chuyện cổ. Chính những câu “*chuyện cổ thiết tha*” đã giúp tác giả “*nhận mặt cha ông*” tức là nhận ra, thấu hiểu được thế giới tinh thần, tâm hồn, lối sống, phong tục, tập quán,… được ghi dấu trong những câu chuyện từ ngàn xưa. Lời thơ thể hiện tình cảm yêu mến sâu nặng của tác giả với thế giới chuyện cổ nói riêng và những giá trị văn hoá dân tộc nói chung.

“Rất công bằng, rất thông minh

Vừa độ lượng lại vừa đa tình, đa mang”

Nhà thơ khẳng định, đánh giá vẻ đẹp nhân văn của chuyện cổ bằng từ ngữ vô cùng ý nghĩa: *công bằng, thông minh, độ lượng, đa tình, đa mang*. Đó là những phẩm chất, đức tính quan trọng để hình thành nhân cách của con người.

Có biết bao chuyện cổ đã sáng ngời những vẻ đẹp đáng quý đó:

Thị thơm thì giấu người thơm  
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà  
Đẽo cày theo ý người ta  
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì  
Tôi nghe truyện cổ thầm thì  
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.  
Đậm đà cái tích trầu cau  
Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người.

Những câu chuyện cổ được gợi ra trong kí ức của tác giả là những câu chuyện đã in dấu ấn trong đời sống, phong tục, tập quán xưa, những quan niệm của người xưa. Đó là câu chuyện Tấm Cám được gợi lên qua qua câu thơ: “*Thị thơm thì giấu người thơm*”. Hình ảnh ẩn dụ đặc sắc “*người thơm*” khiến người đọc liên tưởng đến cô Tấm ngoan hiền, trong sáng, hay lam hay làm. Chuyện cổ “Tấm Cám” cùng hình ảnh cô Tấm gửi gắm triết lí về đức tính chăm chỉ của con người trong cuộc sống “*Chăm làm thì được áo cơm, cửa nhà*”. Đó còn là bài học cần có chính kiến, chủ động trong cuộc sống, không nên chỉ làm theo lời người khác được cha ông khéo léo cài vào câu chuyện “Đẽo cày giữa đường”. Hay bài học về tình nghĩa anh em, vợ chồng sâu đậm được gửi gắm qua câu chuyện “Sự tích trầu cau” được gợi nhắc đến trong câu thơ “*Đậm đà cái tích trầu cau - Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người*”…. Nhà thơ không kể tên tác phẩm chuyện cụ thể, cũng không tóm tắt, liệt kê sự việc mà tác giả chỉ khéo léo gợi lên tác phẩm chuyện cổ qua một vài hình ảnh, ý nghĩa của chuyện cổ. Cả thế giới chuyện cố như sống dậy trong trang thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ. Lời thơ nối tiếp nhau vẽ ra cả một thế giới chuyện cổ sống động, nơi đó đã kết tinh bao vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ cùng bao lời dạy sâu xa mà cha ông gửi gắm đời sau. Đọc mỗi câu chuyện cổ và suy ngẫm, trong tim mỗi người như thầm thì lời nói cha ông. Nhờ có những câu chuyện cổ mà thế hệ hôm nay và mai sau biết được gương mặt tâm hồn của cha ông mình và biết sống sao cho đúng với những lời dạy quý báu mà cha ông gửi gắm.

**Bốn câu thơ cuối bài là những suy ngẫm của nhân vật trữ tình về sức sống lâu bền của chuyện cổ nước mình:**

“Sẽ đi qua cuộc đời tôi  
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi.  
Nhưng bao chuyện cổ trên đời  
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”

Bằng nghệ thuật đối lập ý thơ ở hai câu trên với hai câu dưới, nhân vật trữ khẳng định một điều chắc chắn: dù thời gian có “chuyển dời”, dù có trải qua bao thế hệ về sau thì giá trị của những câu chuyện cổ của cha ông vẫn luôn “mới mẻ”, toả sáng, đủ sức soi đường cho các lớp lớp cháu con. Chuyện cổ không chỉ có giá trị to lớn với thế hệ hôm nay – thế hệ mà “tôi” đang sống mà sẽ còn nguyên vẹn giá trị với các thế hệ tương lai mai sau. Dù thời gian có khắc nghiệt đến đâu thì cũng không thể làm hư hao, mất mát, mờ đi vẻ đẹp quý báu của những chuyện cổ. Thế giới chuyện cổ sẽ không bao giờ cũ đi, thậm chí còn luôn “*mới mẻ”* vẫn vẹn nguyên giá trị tinh thần, giống như một viêc ngọc toả sáng mãi cùng thời gian để mỗi thế hệ người đọc sẽ tìm thấy ở đó những giá trị chân thiện mĩ, để mỗi lần đọc sẽ thấy những lời dạy của cha ông vẫn nguyên giá trị hiện sinh, làm tâm hồn con người thêm trong lành, hướng thiện hơn.

**"Chuyện cổ nước mình" của Lâm Thị Mỹ Dã là bài thơ thành công cả về phương diện nội dung và nghệ thuật.** Điểm thành công của bài thơ trước hết ở việc đề cập vấn đề triết lí sâu sắc nhưng bằng giọng thơ nhỏ nhẹ, tâm tình khiến lời thơ dễ đi sâu vào tâm hồn người đọc. Nhà thơ đã viết nên những vần thơ dịu dàng tha thiết, mang vẻ đẹp văn hóa, chở cả tình yêu thương, lấp lánh vẻ đẹp của nghệ thuật bởi trái tim chân thành, nhân hậu, dịu dàng. Bằng thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; sử dụng sáng tạo chất liệu văn hoá dân kết hợp với các biện pháp tu từ như nhân hóa, so sánh, liệt kê,..., bài thơ của nữ nhà thơ gốc Quảng Bình đã ngợi ca vẻ đẹp, truyền thống văn hoá của dân tộc ta qua những câu chuyện cổ. Qua bài thơ, nhà thơ gián tiếp khẳng định kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau. Lâm Thị Mỹ Dạ cũng thể hiện sự am hiểu chuyện cổ và vốn văn hoá dân gian; đồng thời nhà thơ bày tỏ tình yêu và niềm tự hào với truyền thống văn hoá nói chung và chuyện cổ nói riêng. Với Lâm Thị Mỹ Dạ, đất nước không chỉ đẹp bởi núi sông biển cả hùng vĩ, phong cảnh nên thơ mà làm nên chiều sâu vẻ đẹp đất nước còn bởi những truyền thống văn hoá, giá trị tinh thần – những điều cốt lõi đã làm nên gương mặt tâm hồn người dân Việt Nam. Nhà thơ cũng gián tiếp gửi tới mọi người thông điệp cần trân trọng và giữ gìn văn hoá dân gian cũng những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.

Bài thơ đã giúp mỗi tuổi thơ chúng ta yêu thêm chuyện cổ của đất nước mình, dân tộc mình. Đọc bài thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ, chúng ta mới hiểu rõ vì sao nhân dân ta từ người trẻ đến người già, ai cũng yêu, cũng thích chuyện cổ nước mình.

**III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

***\**** GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu văn bản đọc kết nối chủ điểm: ***Chuyện cổ nước mình (Lâm Thị Mỹ Dạ)***

**Đề bài 01:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*

*Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*

*Thương người rồi mới thương ta*

*Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*

*Ở hiền thì lại gặp hiền*

*Người ngay thì được phật, tiên độ trì.*

*Mang theo truyện cổ tôi đi*

*Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa*

*Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa*

*Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*

*Đời cha ông với đời tôi*  
*Như con sông với chân trời đã xa*  
*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  
*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

(Trích *Chuyện cổ nước mình,*Lâm Thị Mỹ Dạ – SGK *Ngữ văn 6, Chân trời sáng tạo*, tập 1, trang 49)  
**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.  
**Câu 2.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ.  
**Câu 3.**  Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ.  
**Câu 4.** Em có đồng tình với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ: “*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*/*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”* không?Vì sao ?  
 Gợi ý trả lời

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm  
**Câu 2** : Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với truyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những truyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.  
**Câu 3** : Các câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ:

* *Ở hiền gặp lành*
* *Thương người như thể thương thân*
* *Yêu nhau mấy núi cũng trèo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.*

**Câu 4** : Hướng HS theo quan niệm **đồng tình** vì:

+ Giữa thế hệ cha ông và con cháu thời nay cách nhau rất xa về thời gian, do đó để hiểu được đời sống tâm hồn, lời dạy của cha ông thì phải tìm hiểu qua những giá trị tinh thần mà cha ông để lại.

+ Chuyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông xưa, là những lời dạy mà cha ông gửi gắm lại.  
+ Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, nối quá khứ và hiện tại để thế hệ sau noi theo những đạo lí từ người xưa đúc kết.

**Đề bài 02:**

**Đọc đoạn trích:**

Thị thơm thì giấu người thơm

Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

Đẽo cày theo ý người ta

Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì

Tôi nghe chuyện cổ thầm thì

Lời cha ông dạy cũng vì đời sau

Đậm đà cái tích trầu cau

Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người

Sẽ đi qua cuộc đời tôi

Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi

Nhưng bao chuyện cổ trên đời

Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.

(Chuyện cổ nước mình - Lâm Thi Mỹ Dạ, Thơ Tình Việt Nam chọn lọc, NXB Văn học, 2014, tr36-37)

**Thực hiện các yêu cầu sau**

**Câu 1. (0,5 điểm).** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

**Câu 2. (0,75 điểm)**. Những truyện cổ nào được gợi ra trong đoạn trích trên?

**Câu 3. (0,75 điểm).** “Người thơm” được tác giả nhắc đến là ai trong các dòng thơ?

Thị thơm thị giấu người thơm

Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

**Câu 4. (1,0 điểm).** Rút ra bài học ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên. Li giải lựa chọn.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Thể thơ lục bát.

**Câu 2:** Những truyện cổ được gợi ra từ đoạn trích:

+ Tấm Cám

+ Đẽo cày giữa đường

+ Sự tích trầu cau

Mỗi ý trả lời đúng được 0.25 đ

**Câu 3:**

“Người thơm” được nhắc đến trong các dòng thơ là nhân vật cô Tấm (0.5 đ) trong truyện cổ tích “Tấm Cám” (0.25 đ)

**Câu 4:** HS lựa chọn một bài học ý nghĩa cho bản thân và lí giải.

Có thể nêu:

* Phải chăm chỉ, siêng năng làm việc. Vì nhưng người chăm chỉ, siêng năng mới tạo ra nhiều giá trị của cuộc đời, được mọi người yêu quý, kính trọng,…
* Hoặc trong cuộc sống, cần phải có chính kiến riêng của bản thân, không nên chỉ làm theo ý người khác vì chỉ bản thân ta mới hiểu rõ mình mong muốn gì nhất và lựa chọn nào phù hợp với mình nhất. Nếu bị động nghe theo lời người khác thì cuối cùng không làm nên việc gì.
* Hoặc cần tôn trọng những bài học ông cha gửi gắm trong những câu chuyện cổ vì đó là những bài học được đúc kết ngàn đời, luôn mới mẻ, không bao giờ cũ mòn.
* …

**Đề bài 03: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Việt Nam đất nắng chan hoà*

*Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh*

*Mắt đen cô gái long lanh*

*Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung*

*Đất trăm nghề của trăm vùng*

*Khách phương xa tới lạ lùng tìm xem*

*Tay người như có phép tiên*

*Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)

Câu 1.  Đoạn thơ được viết theo[thể thơ](http://vanhay.edu.vn/cac-tho-thuong-gap-va-cach-don-gian-de-nhan-biet)nào?  
Câu 2.  Chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong đoạn thơ trên.  
Câu 3.  Nêu tác dụng của[biện pháp tu từ](http://vanhay.edu.vn/mot-bien-phap-tu-tu-co-xuat-hien-trong-de-doc-hieu-ngu-van) được sử dụng trong hai câu thơ *“Tay người như có phép tiên*– *Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ”.*

Câu 4. Từ đoạn thơ trên, em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam?   
Trả lời :  
**Câu 1.**  thể thơ lục bát  
**Câu 2.** HS chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong các hình ảnh sau: *mắt đen cô gái long lanh; yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung; tay người như có phép tiên; trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

( Lưu ý HS có thể diễn đạt cách khác nhưng phải hợp lý)  
**Câu 3.** Biện pháp so sánh: *Tay người như có phép tiên*  
Tác dụng : *gợi ra niềm tự hào về vẻ đẹp tài hoa của con người Việt Nam trong lao động; làm cho câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm…*  
  
**Câu 4.** HS có thể nêu cảm nhận về hai đặc điểm sau: *đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú; con người Việt Nam thủy chung, tình nghĩa, khéo léo, tài hoa…*

**Dạng 2. Viết ngắn:**

**Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Đời cha ông với đời tôiNhư cong sông với chân trời đã xaChỉ còn chuyện cổ thiết thaCho tôi nhận mặt ông cha của mình

**Yêu cầu:**

- Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.

- Đoạn văn phải sử dụng 5-7 câu

**Tìm ý, dàn ý:**

**Mở đoạn:** Giới thiệu đoạn thơ trích trong tác phầm nào, của ai, đoạn thơ nói về điều gì?

**Thân đoạn:**

- Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ đó đã đem lại đã đem lại hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?

- Vì sao tác giả khẳng định những câu chuyện cổ giúp chúng ta gặp lại cha ông, thấy được diện mạo tinh thần của những thế hệ đi trước. “Nhận mặt ông cha” là cảm nhận, thấu hiểu, trân trọng, kết thừa truyền thống, phong tục, tinh thần của dân tộc

- Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ? (Tâm tình, nhắn nhủ)

- Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với những câu chuyện cổ? (yêu mến, tự hào, biết ơn cha ông; trân trọng giữ gìn chuyện cổ,và nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc)

Đoạn văn tham khảo:

Đời cha ông với đời tôiNhư cong sông với chân trời đã xaChỉ còn chuyện cổ thiết thaCho tôi nhận mặt ông cha của mình

Những câu thơ trên trích trong bài thơ “Chuyện cổ nước mình” của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ; chỉ với bốn câu thơ nhưng tác giả đã khái quát giá trị tinh thần, ý nghĩa nhân sinh sâu sắc của kho tàng chuyện cổ dân tộc với con người (1).Bằng giọng thơ vừa tâm tình vừa bày tỏ suy ngẫm, triết lí, nhà thơ đã bày tỏ lòng biết ơn, lòng yêu mến đối với những chuyện cổ, nhờ đó mà thế hệ nhà thơ mới biết được bộ mặt tinh thần của cha ông (2). Hai câu thơ đầu sử dụng phép so sánh đặc sắc, tác giả so sánh mối liên hệ giữa “đời cha ông”- thế hệ đi trước với “đời tôi” – thế hệ sau giống như mối liên hệ giữa con sông với chân trời đã xa(3). Như dòng sông bắt đầu từ phía chân trời, cứ chảy mải miết theo dòng thời gian, ngày càng xa điểm khởi thuỷ, cuộc đời con người cũng vậy, các thế hệ đi trước rồi sẽ dần rơi vào chiều sâu quá khứ, thế hệ sau gánh vác trách nhiệm lịch sử của thế hệ trước, tiếp tục làm dày thêm truyền thống văn hoá (4). Khoảng cách thời gian giữa các thế hệ được ví với khoảng cách không gian địa lí con sông – chân trời; “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha” câu thơ mộc mạc khẳng định giá trị của chuyện cổ, đây là sợ dây liên kết vô hình giữa cha ông ta với con cháu muôn đời sau(5). Đọc chuyện cổ chính là chúng ta “*nhận mặt cha ông*”, (một hình ảnh hoán dụ đặc sắc) của mình, tức là nhận ra, thấu hiểu được thế giới tinh thần, tâm hồn, lối sống, phong tục, tập quán, quan niệm nhân sinh… được ghi dấu trong những câu chuyện từ ngàn xưa (6). Lời thơ thể hiện tình cảm yêu mến sâu nặng, tự hào, biết ơn của tác giả với thế giới chuyện cổ nói riêng và những giá trị văn hoá dân tộc nói chung (7). Lời thơ như nhắc nhở mọi người hãy trân trọng, yêu mến, tự hào về vẻ đẹp tâm hồn, về truyền thống văn hóa dân tộc trong chuyện cổ, đó là cách con người bày tỏ tình yêu và trách nhiệm của mình với quê hương đất nước (8).

**Đề bài:** Các văn bản đã học ở chủ đề *“Quê hương yêu dấu*” có nhiều hình ảnh thiên nhiên thật đẹp. Hãy sử dụng kiến thức học được và tưởng tượng để lưu giữ trong tâm hồn một hình ảnh, một khoảng khắc của thiên nhiên thực tế mà em đã quan sát và yêu thích.Em hãy viết một đoạn văn (5-7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp mà em lưu giữ trong kí ức.

**1. Tìm ý:**

- Dạng bài: miêu tả cảnh thiên nhiên.

- Lựa chọn đối tượng miêu tả: là cảnh gì? ở đâu? Như thế nào? Cảnh đó có gì nổi bật mà em nhớ mãi.

- Ghi nhanh ra giấy những hình ảnh đang hiện lên kí ức.

GV dùng kĩ thuật viết tích cực áp dụng cho phần lập dàn ý, viết đoạn.

GV đặt câu hỏi và dành thời gian cho HS tự do viết câu trả lời. GV cũng có thể yêu cầu HS liệt kê ngắn gọn những gì các em biết về cảnh thiên nhiên trong khoảng thời gian 5 phút.

  - GV yêu cầu một vài HS chia sẻ  nội dung mà các em đã viết trước lớp.

**Gợi ý đoạn văn: Miêu tả cảnh buổi sáng mùa xuân trên quê hương em.**

Buổi sáng mùa xuân trên làng quê tôi mới đẹp làm sao!(1) Khi mặt trời hé khuôn mặt tròn trĩnh chào ngày mới, cả làng quê hiện ra trước mắt tôi tựa như một bức tranh huyền diệu(2) . Sương tan dần, chân trời rộng mở, cánh đồng lúa đang bén hơi xuân biếng biếc một màu xanh, màu xanh ấy vươn mình, trỗi dậy, trải rộng đến tận chân trời (3). Chị Cò chăm chỉ vẫn khoác tấm áo trắng phau, bì bõm bắt mồi cho đàn con thơ(4). Đâu đó, tiếng chim chào mào, chích chòe ríu ra ríu rít như đang thảo luận nhóm xem “hôm nay bay đến phương trời nào?”(5) . Kệ, gió mơn man đung đưa vài khóm hoa bưởi đang lên hương trong vườn nhà bác Minh(6) . Hương bưởi thơm như mời mọc ai đó tỉnh dậy mau kẻo mùa xuân đi qua mất!(7)

**BUỔI 2**

***ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:***

***Cây tre Việt Nam***

***(Thép Mới)***

**I. TÁC GIẢ**

- Thép Mới (1925 - 1991) tên khai sinh là Hà Văn Lộc.

- Quê ở quận Tây Hồ, Hà Nội, sinh ra tại Nam Định.

- Là một nhà báo, nhà văn nổi tiếng. Tác phẩm của ông giàu chất trữ t́nh, cảm hứng nổi bật là ca ngợi t́nh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Một số tác phẩm như: *Cây tre Việt Nam, Hiên ngang Cu-ba, Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin, Điện Biên Phủ - một danh từ Việt Nam…*

**II. VĂN BẢN : Cây tre Việt Nam**

**1.** **Xuất xứ**:

Sáng tác năm 1955, sau khi cuộc kháng chiến hống Pháp của dân tộc ta.

bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

**2.**  **Phương thức biểu đạt**: **:** bút ký chính luận trữ tình

Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự, thuyết minh

**3. Bố cục:** Gồm 4 phần:

- Phần 1. Từ đầu đến *“chí khí như người ”*: Cây tre có mặt ở mọi nơi trên đất nước ta và có những phẩm chất đáng quý.

- Phần 2. Tiếp theo đến *“ chung thủy* ”: Tre gắn bó với con người trong cuộc sống hàng ngày và trong lao động.

- Phần 3. Tiếp theo đến *“ Tre, anh hùng chiến đấu ”:* Tre sát cánh trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

- Phần 4. Còn lại: Tre là người bạn của dân tộc ta.

**4. Nội dung**

- Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam, cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam.

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc

**5**. Nghệ thuật

- Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu thấm đẫm chất trữ tình.

- Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...

- Nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi.

1. **ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1. Dàn ý:**  **1.1. Nêu vấn đề:**  **-** Tác giả Thép Mới là nhà báo, nhà văn nổi tiếng.  - Văn bản: “Cây tre Việt Nam” được viết theo thể kí, là lời bình cho bộ phim về cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta do các nhà điện ảnh Ba Lan sản xuất.  - Nội dung VB: Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam, cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **\* Khái quát về văn bản:** bố cục văn bản, chủ đề, phương thưc biểu đạt,...  **\* Hệ thống luận điểm**  ***1. Giới thiệu về vẻ đẹp của cây tre***  ***\* Hình ảnh cây tre được khắc họa chân thực:***  - Hình dáng:  + *Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi*  + D*áng vươn mộc mạc và thanh cao*  + *Mầm măng non mọc thẳng*  *+ Màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn.*  - Phẩm chất:  *+ Tre cứng cáp, dẻo dai, vững chắc*  *+Luôn gắn bó, làm bạn với con người trong mọi hoàn cảnh*  *+ Thẳng thắn, bất khuất*, cùng con người chiến đấu*, giữ làng, giữ làng, giữ nước.*  - Nghệ thuật thể hiện:  - Từ ngữ miêu tả đặc sắc, gợi hình gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai...*  - Nhân hóa cây tre: *giản dị, thanh cao, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, bất khuất...*  - Cảm xúc của tác giả:  + Ca ngợi vẻ đẹp của cây tre từ hình dáng đến đặc tính của loài cây thân thuộc nhưng lại gợi đến tính cách, phẩm chất của con người của con người Việt Nam.  + Bộc lộ niềm tự hào, tình yêu mãnh liệt của mình với cây tre, và con người Việt Nam  ***2.* Tre gắn bó với con người Việt Nam**  **a. Trong lao động và cuộc sống hàng ngày.**  - Tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm, thôn.  - Dưới bóng tre, toàn bộ đời sống của con người được hiện ra:  + những mái đình, mái chùa cổ kính  + người dân cày Việt Nam *dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang...*  + Tre thành nôi ru êm những giấc ngủ trưa hè, là nguồn vui tuổi thơ: *chiếc thuyền lá tre, que chuyền que chắt*.  + tre là nhịp bắc cho tình yêu đôi lứa  với tuổi già hút thuốc làm vui thì có chiếc diếu cày...  + Sự gắn bó suốt đời*: từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay*  - Nghệ thuật :  + Hình ảnh gần gũi: mái đình, mái chùa, cối xay tre, giang lạt, nôi tre, giường tre...  + Câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê, nhân hóa, so sánh.  - Ý nghĩa:  + Khẳng định mối quan hệ gắn bó của cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam.  + Ca ngợi nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc với thái độ tự hào, trân trọng.  **b. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc**  **- Hoàn cảnh***:* Khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc: *Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay*  **- Vai trò, sức mạnh***: tre là tất cả, tre là vũ khí*:  +Vị thế của tre: *vũ khí, đồng chí chiến đấu, cái chông tre sông Hồng*  + Hành động dũng cảm quên mình của tre: *chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; tre hi sinh để bảo vệ con người;*  + Đánh giá vẻ đẹp: *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*.  - Nghệ thuật :  + So sánh: *tre* vật liệu tự nhiên, thô sơ với *sắt thép* những vật liệu để làm vũ khí cao cấp hơn)  + Câu văn giàu nhịp điệu, điệp ngữ, liệt kê...tạo nên nhịp điệu; nhân hóa, ẩn dụ  + Sử dụng các từ ngữ giàu tính biểu cảm: “tất cả”. “Tất cả”  - Ý nghĩa: Tình yêu, biết ơn của con người với tre; bày tỏ tình yêu nước, niềm tự hào về sức mạnh dân tộc trong kháng chiến vĩ đại.  **c. Trong tương lai**  - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: *Tre vẫn là bóng mát, Tre vẫn mang khúc tâm tình,*...  + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau. Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.  + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;  + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam |
| **1.3 Đánh giá**  **a. Nghệ thuật**.  - Với thể kí, bài văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, thấm đẫm chất trữ tình.  - Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...  - Nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi  **b. Nội dung**  - Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam  - Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam.  - Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc |

Thép Mới là cây bút nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam với nhiều tác phẩm bút kí, những bài thuyết minh cho phim, cũng như những tác phẩm thơ...Nhưng có lẽ, tên tuổi của nhà văn đã gắn liền với bài văn “Cây tre Việt Nam”. Đây là văn bản viết theo thể kí, vốn là bài thuyết minh cho một bộ phim của điện ảnh Ba Lan, ca ngợi cuộc kháng chiến chống Pháp vĩ đại của dân tộc ta năm 1955. Từ đó đến nay, đã trải qua nhiều thập kỉ, đất nước đã bước sang giai đoạn mới, nhưng mỗi lần đọc “Cây tre Việt Nam” mỗi người lại thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp quê hương. Với giọng văn giàu nhạc điệu, thấm đẫm chất thơ, văn bản cho ta cảm nhận về vẻ đẹp, sự gắn bó, vai trò của cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam theo suốt chiều dài lịch sử của dân tộc.

Năm 1954, kết thức cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta bằng một dấu son chói lọi: chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, trấn động địa cầu” (Tố Hữu), thế giới phải nghiêng mình nể phục nhân dân Việt nam. Năm 1955, một đoàn làm pphim Ba Lan đã sang Việt Nam làm một bộ phim tài liệu về con người và đất nước Việt nam, về cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, nhà văn Thép Mới được tham gia cùng làm bộ phim, và văn *bản “Cây tre Việt Nam*” được dùng làm lời bình của bộ phim.

Mở đầu bài kí, tác giả đã giới thiệu về cây tre với một mối quan hệ đặc biệt “*là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân củanhân dân Việt Nam”*. Đó là mỗi quan hệ thân thiết, gắn bó không thể tách dời. Tre thân thuộc và có mặt ở khắp mọi nơi *“tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ...*”cho đến “*lũy tre thân mật làng tôi*” , từ đó nhà văn đã khẳng định tre có mặt từ đồng bằng cho đến vùng núi cao. Không chỉ giới thiệu về sự có mặt của tre ở mọi miền tổ quốc, mà nhà văn còn giới thiệu về sức sống mãnh liệt của tre “*vào đâu tre cũng sống”, “ở đâu tre cũng xanh tốt”.*

Đặc biệt, tác giả giới thiệu nhiều phẩm chất đáng quý của cây tre “*Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi, dáng vươn mộc mạc và thanh cao*, m*ầm măng non mọc thẳng, màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn”.* Với các tính từ miêu tả đặc sắc, gợi hình gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai* nhà văn đã thổi hồn cho cây tre, giúp người đọc hình dung ra đặc điểm của cây tre*.* Tác giả đã nhân hóa cây tre, cây tre không phải là vật vô tri mà mang phẩm chất và đức tính của con người Việt Nam. Nhà văn không dấu được niềm tự hào, tình yêu mãnh liệt của mình với cây tre, và con người Việt Nam. Cây tre lại còn được Thép Mới so sánh ”trông thanh cao giản dị chí khí như người”, liệt kê ra nhiều vẻ đẹp, nơi sống của tre, cùng các tính từ chỉ đặc điểm phẩm chất của cây tre. Điều đó đủ khẳng định, thể hiện tình yêu, sự gắn bó, cũng như những hiểu biết rất sâu sắc của mình với loài cây tre, tạo ấn tượng cho người đọc về loài tre.

***Nhà văn đã giới thiệu tre là người bạn thân của người nông dân, của nhân dân Việt Nam ở đầu văn bản. Tại sao vậy? Phần tiếp theo nhà văn khẳng định vai trò của tre.* Tre đã gắn bó với con người Việt Nam trên nhiều phương diện: trong đời sống và trong lao động, trong chiên đấu, trong đời sống tinh thần và trong tương lai. Mỗi chặng đường của lịch sử, mỗi phương diện của đời sống, nhà văn đã khẳng định những gắn bó của cây tre với con người như thế nào?**

**Trong lao động và cuộc sống hàng ngày, nhà văn đã mượn một câu thơ của Tố Hữu để giới thiệu mối khăng khít, gắn bó của tre với con người “Bóng tre trùm mát rượi” câu thơ tạo một nốt nhấn cho bài ca của tình người tình tre. Quả thật, cây tre gần gũi và thân thuộc với con người từ bao đời nay: “*trùm lên âu yếm, ăn ở với con người, giúp người, vất vả với con người...*” nhà văn nhân hóa cây tre như người bạn đồng hành, sát cánh với con người Việt Nam. Điệp ngữ “Dưới bóng tre xanh” 3 lần gợi lên trước mắt người đọc bóng tre xanh bao trùm lên làng quê. Các từ “lâu đời*”, đời đời, kiếp kiếp, từ nghìn đời nay.*..đứng đầu các câu văn nhấn mạnh sự đồng hành của tre với con người trong lao động sản xuất từ xưa đến nay. Giọng văn đến đây như lắng xuống, tác giả như đang gợi nhắc lại những thời kì lịch sử đau thương của dân tộc, chúng ta đã trải qua một nghìn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, gần một trăm năm áp bức của thực dân Pháp, trong suốt thời gian ấy tre vẫn kề vai sát cánh cùng con người *“cối xay tre vẫn nặng nề quay tuef ngàn đời nay, xay thúng thóc”* tre vẫn cùng con người cần cù, nhẫn nại cùng con người. Chính vì vậy tre được ví là “*Tre là cánh tay của người nông dân*” hình ảnh so sánh rất giản dị đã khẳng định, ngợi ca những ân tình của tre với người nông dân trong lao động sản xuất từ bao đời. Viết về tre, nhưng Thép Mới lại giúp người đọc cảm nhận về không gian văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Đó là không gian của mái đình cổ kính, của cuộc sống lao động lam lũ, của con người bền bỉ, nhẫn nhại vươn lên bất chấp mọi khắc nghiệt của cuộc sống. Mỗi câu văn thẫm đẫm chất thơ, chất nhạc, như bồi dắp thêm cho ta tình yêu và niềm tự hào về quê hương xứ sở!**

**Trong đời sống hàng, tác giả đã khẳng định sự gắn bó giữa tre với người rất khăng khít, s**ự gắn bó là suốt đời*.Theo hành trình của đời người ( Từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm)* **tre có vai trò như thế nào? Tác giả khẳng định tre** là nguồn vui tuổi thơ “*chiếc thuyền lá tre, que chuyền que chắt”nghĩa là tre góp phần làm cho tuổi thơ được sống hồn nhiên, hạnh phúc, vui tươi với bao kỉ niệm về trò chơi con trẻ nhưng vô cùng thích thú.* Đến tuổi thanh xuân*,* tre là nhịp cầu bắc cho tình yêu đôi lứa “Những mối tình quê thương nỉ non dưới bóng tre nứa” nghĩa là tre là minh chứng cho bao tâm tình của tuổi trẻ, rồi tre kết tình lứa đôi như ca dao từng viết: “*Lạt này gói bánh chưng xanh, cho mai lấy trúc cho anh lấy nàng”*. Còn đến lúc con người ta xế bóng, tre làm chiếc điếu cày để hút thuốc làm vui . Thậm chí, *đến khi “nhắm mắt xuôi tay”,* người ta vẫn gắn bó với tre *“ nằm trên chiếc giường tre”.* Đó là sự gắn bó không phải ngày một ngày hai mà là sự gắn bó suốt cả cuộc đời. Từ khi cất tiếng khóc chào đời, cả tuổi ấu thơ, tuổi thanh xuân thậm chí đến khi già yếu, qua đời. Sự đồng hành của con người từ khi ra đời đến khi nhắm mắt xuôi tay, tre với người sống có nhau, chết có nhau, chung thủy, son sắt. Thép Mới dùng hình ảnh gần gũi như “*mái đình”, “mái chùa”, “cối xay tre”, “giang lạt”, “nôi tre”, “giường tre*”... ; câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê những chặng đường khác nhau trong cuộc đời con người; nhân hóa, so sánh đặc sắc; từ đó khẳng định những ân tình của con người với tre. Mối quan hệ của cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam là quan hệ gắn bó, thủy chung, không thể tách dời. Cũng từ đó, tác giả ca ngợi nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc với thái độ tự hào, trân trọng.

**Tre không chỉ gắn bó với con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc sống đời thường mà tre còn gắn bó với con người trong chiến đấu***.* Đến đây, giọng văn trở nên rắn rỏi, mạnh mẽ, sôi nổi, chứa đựng niềm tự hào của tác giả. Nhà văn đặt vào h**oàn cảnh** cụ thể. Đó là lúc khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc *“*B*uổi đầu, không một tấc sắt trong tay”,* tre cóvai trò, sức mạnh đặcbiệt *“tre là tất cả, tre là vũ khí*”. Vị thế của tre được tôn vinh *“vũ khí, đồng chí chiến đấu đồng cam cộng khổ, cái chông tre sông Hồng”.* Từ những buổi đầu dựng nước, biểu tượng của lòng yêu nước quyết tâm đánh giặc cứu nước đã được kết tinh qua vẻ đẹp của Thánh Gióng. Cũng từ hình tượng Gióng chúng ta còn thấy được sự gắn kết của tre với người khi Gióng đánh giắc roi sắt gẫy, liền nhổ tre bên đường quật vào lũ giặc, xác giặc như ngả dạ. Trở lại thực tế lúc đó, trong năm tháng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ*, “tre xung phong vào xe tăng đại bác”.*  Hành động dũng cảm quên mình của tre: *“chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; hi sinh để bảo vệ con người”.* Bằng những vũ khí thô sơ, tre cùng người đã làm nên những chiến công oanh liệt, những dấu son chói lọi. Con người được so sánh: *“*như tre mọc thẳng con người không chịu khuất phục*”*, tre được nhân hóa: *“tre là đồng chí chiến đấu, cùng ta làm ăn, vì ta mà cùng ta đánh giặc...hi sinh để bảo vệ con người*”. Điệp ngữ “tre”, “giữ” trong câu văn “tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín” tác giả đã nhấn mạnh vai trò của cây tre . Giọng văn không còn bùi ngùi trầm lắng như ở đoạn trước mà trở nên sôi nổi, mạnh mẽ, hào hùng hơn, thấm đẫm niềm tự hào của một dân tộc vừa chiến thắng kẻ thù xâm lược. Tác giả kết hợp với các động từ mạnh như *“chống lại”, “xung phong”, “giữ”,...*nhấn mạnh sự dũng cảm gan dạ của cây tre kiên cường trong chiến tranh. Nhà văn khẳng định vai trò của tre, vị thế của tre bằng câu văn trắc nịch *“anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*”. Tre được phong tặng danh hiệu cao quý *“Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu*!” Sự lặp lại cấu trúc câu văn khiến giọng văn trở nên mạnh mẽ, khẳng định trong chiến đấu, tre là một người chiến sĩ quả cảm, anh hùng, cùng con người xông pha nơi trận mạc. Vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của tre đã cho thấy được vai trò to lớn của cây tre đối với nhân dân, đất nước. Hình ảnh cây tre trở thành biểu tượng cho dân tộc Việt Nam.

Từ những đóng góp to lớn ấy, tre đã đi vào đời sống tinh thần của dân tộc. Lời văn bay bổng tựa như lời thơ, nhà văn đã khéo léo kết hợp câu văn có vần có nhịp, đậm chất thơ

*Diều bay, diều lá tre bay lưng trời...*

*Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời...*

*Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều.*

Tre trở thành nhạc cụ dân dã như làm sáo, làm diều, làm sạp để múa trong hội vui mừng chiến thắng...Âm thanh du dương của nhạc cụ dân dã ấy có sự đóng góp của tre; để từ đây tác giả đã giới thiệu cả một đời sống tinh thần vừa phong phú, vừa sôi nổi, tình yêu cuộc sống của người dân Việt Nam dưới bóng tre xanh. Cái hòa quyện của tình người, tình tre trong chất thơ bay bổng, giàu nhạc diệu của bài kí.

**Viết về tre, nhà văn không chỉ nhìn vào lịch sử, vào thức tại, mà ông còn hướng ngòi bút cảu mình đến tương lai với không ít trăn trở.** Trong tương lai, khi sắt thép xi măng thay thế tre nứa, nhà văn Thép Mới không khỏi lo lắng, băn khoăn, tre sẽ ở đâu? Trên đường tới tương lai *“măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiều nhi Việt Nam”* tre trở thành biểu tượng cho sự nối tiếp của các thế hệ con người. Dù cho tương lai: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, hiện hữu trong đời sống của con người Việt Nam. Âm thanh của tiếng sáo vút cao trong trẻo sẽ không có một thứ vật liệu nào thay thế cho tre; bởi: *Tre vẫn là bóng mát, Tre vẫn mang khúc tâm tình,* tre sẽ tươi những cổng chào thắng lợi, những chiếc du tre vẫn rướn lên bay bổng, tiếng sáo diều tre vút mãi... Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau. Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.

Hình ảnh cây tre đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm thơ ca như *, Quê hương* của Tế Hanh, *Tre Việt Nam”*của nguyễn Duy...Nhưng ”Cây tre Việt Nam” của Thép Mới mang dấu ấn riêng trên diễn đàn văn học. Nhà văn thành công với thể bút kí, bài văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, thấm đẫm chất trữ tình. Sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ, nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, bài văn đã tôn vinh, ca ngợi cây Việt Nam. Tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam, mang nhiều vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam. Bài viết còn gửi gắm tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc.

**III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

* GV hướng dẫn HS thực hành đề đọc hiểu văn bản đọc kết nối chủ điểm:

**Câu 1:** Bài cây tre Việt Nam được viết theo thể loại nào?

1. Truyện B.Kí C.Tiểu thuyết D.Thơ

Đáp án: B

**Câu 2:** Câu nào dưới đây nói về văn bản Cây tre Việt Nam?

A. Là truyện ngắn đạt giải nhất trong cuộc thi viết về làng quê và con người Việt Nam.

B. Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.

C. Là kí sự của tác giả viết về cây tre Việt Nam.

D. Là tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

Đáp án: B

**Câu 3:** Trong bài văn, tác giả không miêu tả phẩm chất nào của cây tre?

A. Vẻ đẹp thẳng thắn, bất khuất.

B.Vẻ đẹp thanh thoát, dẻo dai.

C. Vẻ đẹp thủy chung, gắn bó với con người.

D. Vẻ dẹp mềm dẻo, linh hoạt của tre

Đáp án: D

Câu 4: Để miêu tả phẩm chất của tre, tác giả sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nào?

1. Hoán dụ B.So sánh C. Ẩn dụ D.Nhân hóa

Đáp án: D

**Câu 5:** Từ nào không thể thay thế cho từ “nhũn nhặn” trong câu “Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn” ?

1. Bình thường B.Khiêm nhường C.Bình dị D.Giản dị

Đáp án: A

**Câu 6:** Đoạn văn: “Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy” nói lên điều gì?

* A. Sự gắn bó thủy chung của tre với con người trong suốt cả cuộc đời.
* B. Sự tận tình của tre trong việc phục vụ con người.
* C. Những phẩm chất cao quý của tre đối với con người.
* D. Những đóng góp của tre cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Đáp án: A

[**Câu 7:** Trong câu "Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre", hình ảnh sông Hồng được dùng theo lối:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-cau-va-song-hong-bat-khuat-co-cai-chong-tre-hinh-anh-song-hong-duoc-dung-65989)

A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. So sánh D. Nhân hóa

Đáp án: A

[**Câu 8:** "Thành đồng Tổ Quốc" là chỉ danh hiệu miền đất nào?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/thanh-dong-to-quoc-la-chi-danh-hieu-mien-dat-nao-c-nam-bo-trac-nghiem-mon-ngu-65990)

A. Bắc Bộ B. Trung Bộ C. Nam Bộ D. Tây Nguyên

Đáp án: D

Em hãy tìm những câu tục ngữ dân gian, câu ca dao, câu chuyện, bài thơ có nói tới hình ảnh cây tre?

GV chia lớp thành 4 nhóm, cho HS thi cuộc thi NHANH NHƯ CHỚP- thời gian 3 phút; Nhóm nào tìm được nhiều, nhóm đó chiến thắng

* 1. Tre già, măng mọc; Lạt mềm buộc chặt *(tục ngữ)*
  2. - Lạt này gói bánh chưng xanh

Cho mai lấy trúc cho anh lấy nàng

- Khi đi trúc chửa mọc măng

Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.

*(Ca dao)*

* 1. Cây tre trăm đốt (truyện dân gian)
  2. Tre Việt Nam (Nguyễn Duy);

“Quê hương tôi có con sông xanh biếc

Nước gương trong soi tóc những hành tre”

(*Quê hương*, Tế Hanh)

**Dạng 2: Đọc hiểu:**

**Đề số 1**

**Đọc đoạn văn sau đây và trả lời câu hỏi**

“...Bóng tre chùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, vầu giúp người hàng nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân”.

(*Trích Cây tre Việt Nam*, Thép Mới**)**

**Câu 1.** Đoạn văn trích trong văn bản nào, của ai? Thể loại của văn bản?

**Câu 2.** Nội dung chính của đoạn văn.

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong đoạn văn?

**Câu 4.**

a. Hãy kể tên 2 trải nghiệm chứng tỏ cây tre vẫn gắn bó với em và gia đình trong cuộc sống hàng ngày?

b. Theo em, là học sinh đang tuổi đến trường, em thấy mình cần làm gì để lưu giữ giá trị của văn hóa dân tộc? *(dành cho HS giỏi)*

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được trích từ văn bản"Cây tre Việt Nam" của tác giả Thép Mới, thuôc thể loại kí

**Câu 2.** Nội dung chính: Đoạn văn trên nói về sự gắn bó, thủy chung của cây tre với con người trong cuộc sống đời thường. Với bao phẩm chất cao quý, tre luôn là biểu tượng của quê hương, đất nước và dân tộc Việt Nam.

**Câu 3.** Đoạn trích trên sử dụng biện pháp nghệ thuật là nhân hóa.

- "Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn"

- "Tre ăn ở với người, đời đời kiếp kiếp"

Tác dụng:

+ Khẳng định sự gắn bó, khăng khít của tre với con người và cuộc sống của nhân dân Việt Nam

+ Bày tỏ tình yêu mến tự hào của tác giả với cây tre nói riêng, với truyền thống văn hóa dân tộc Việt nói chung

+ Làm cho hình ảnh cây tre trở nên gần gũi, sinh động, gợi hình gợi cảm.

**Câu 4.**

a. Hai trải nghiệm chứng tỏ cây tre vẫn gắn bó với em và gia đình trong cuộc sống hàng ngày:

- em cùng chị chơi chuyền bằng que tre, ông thổi sáo tre

- vật dùng trong nhà em đang dùng là tre: rổ, rá, tăm tre,..

- Hàng ngày em vẫn chơi với bạn bè dưới khóm tre làng...

b. Theo em, là học sinh đang tuổi đến trường, em thấy mình cần làm gì để lưu giữ giá trị của văn hóa dân tộc

Những việc cần làm của học sinh để giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc:

* Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn văn hóa dân tộc: như tham gia chơi các trò chơi dân gian;...
* Học tập nghiêm túc bộ môn khoa học xã hội, đặc biệt môn lịch sử.
* Biết tìm hiểu, giữ gìn lễ hội truyền thống, những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, của quê hương...
* Tuyên truyền đến người thân, bạn bè cùng có hành động cụ thể để bảo tồn văn hóa dân tộc, lên án những hành vi hủy hoại văn hóa dân tộc.
* ....

**Đề số 2**

"Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất phục. Người xưa có câu:"Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng".Tre là thẳng thắn, bất khuất! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu cùng ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng đánh giặc.

Buổi đầu đành giặc không có một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn đời biết ơn gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc. Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

(*Trích Cây tre Việt Nam*, Thép Mới**)**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên?

**Câu 2.** Chỉ ra về nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn “Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

**Câu 3.** Trong đoạn văn, tác giả ca ngợi vẻ đẹp nào của cây tre:

- Vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của cây tre trong các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc.

**Câu 4.** Những thông điệp mà em rút ra sau khi đọc văn bản có đoạn văn.

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên: Biểu cảm, miêu tả, tự sự

**Câu 2.**

**\*** Chỉ ra

* Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn “Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!” nhân hóa cây tre có những phẩm chất như con người: “anh hùng” trong lao động và chiến đấu.
* Điệp ngữ: “Tre, anh hùng ...! Tre, anh hùng ...!” (Hai câu văn có cấu trúc hoàn toàn giống nhau)

\* Tác dụng

- Sự lặp lại cấu trúc câu văn khiến giọng văn trở nên mạnh mẽ, sôi nổi...;

- Làm cho câu văn sinh động, gợi hình, gợi cảm.

- Khẳng định trong chiến đấu, tre là một người chiến sĩ quả cảm, anh hùng, cùng con người xông pha nơi trận mạc. Tác giả ca ngợi vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của tre, khẳng định vai trò to lớn của cây tre đối với nhân dân, đất nước. Hình ảnh cây tre trở thành biểu tượng cho dân tộc Việt Nam.

- Thể hiện tình yêu, tự hào của nhà văn về cây tre, về con người dân tộc Việt Nam.

**Câu 3.** Trong đoạn văn, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của cây tre: Tác giả ca ngợi vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của tre; đó cũng là vẻ đẹp của con người Việt Nam.

**Câu 4.** Những thông điệp mà em rút ra sau khi đọc văn bản có đoạn văn là:

* Bài học về “uống nước nhớ nguồn” biết ơn bao thế hệ cha ông đã cống hiến xậy dựng đất nước.
* Biết yêu thiên nhiên, yêu cây tre loài cây là biểu tượng cho dân tộc, yêu quê hương đất nước.
* Tìm hiểu, trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống văn hóa dân tộc.

**....**

**Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi**

*Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

*Thương nhau tre không ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người*

*Chẳng may thân gãy cành rơi*

*Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng*

*Nòi tre đâu chịu mọc cong*

*Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường*

*Lưng trần phơi nắng phơi sương*

*Có manh áo cộc tre nhường cho con*

(Tre Việt Nam – Nguyễn Duy)

**Câu 1.** Hãy xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

**Câu 2.**Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

**Câu 3.**Nêu 2 biện pháp tu từ tác giả sử dụng chủ yếu trong đoạn thơ trên. **Câu 4.**Hai dòng thơ: “Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con” biểu đạt vấn đề gì?

**Lời giải**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm.

**Câu 2.** Nội dung chính của đoạn thơ: Qua chuyện cây tre, tác giả ngợi ca phẩm chất của con người Việt Nam: luôn vượt qua khó khăn, gian khổ bằng sức sống bền bỉ, bằng tình yêu thương, tinh thần đoàn kết gắn bó lẫn nhau.

**Câu 3.** Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng phép tu từ:

+ ẩn dụ (cây tre ẩn dụ cho con người Việt Nam);

+ nhân hóa (trong các câu: Bão bùng thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm/ Thương nhau tre không ở riêng/ Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con).

- Tác dụng:

+ Giúp câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi tả, gợi cảm

+ Sự vật trở nên có hồn hơn, mang sắc thái, dáng vóc của con người.

+ Qua việc khắc họa hình ảnh cây tre, tác giả đã bộc lộ, đặc tả những phẩm chất vốn có của con người Việt Nam.

**Câu 4.**Hai dòng thơ: Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con biểu đạt tinh thần chịu thương chịu khó, hi sinh bản thân vì con của cây tre, cũng tức là của con người Việt Nam.

Hình tượng cây tre trong hai câu thơ đã thể hiện, khắc họa hình ảnh người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó vì con. Đây cũng chính là điểm độc đáo đồng thời cũng chính là sự sáng tạo của nhà thơ. Mượn hình ảnh cây tre cùng thủ pháp nhân hóa, tác giả không chỉ khiến cây tre trở nên có hồn hơn, mang sắc thái như con người vừa ẩn hiện lấp ló đằng sau hình ảnh cây tre ấy chính là hình ảnh người mẹ lam lũ, chịu thương chịu khó, dãi dầm mưa nắm. Không quản ngại khó khăn để kiếm miếng cơm manh áo nuôi con. Qua đó, tác giả cũng thể hiện tình yêu bao la đối với những người mẹ Việt Nam anh hùng.

**BUỔI 3**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:**

**Từ đồng âm, Từ đa nghĩa, biện pháp tu từ hoán dụ**

**I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Từ đa nghĩa:**

**Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nha**u**.**

**Ví dụ:**Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa, trong đó có các nghĩa như: a) đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm); b) ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết); c) máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than);...  
**2.** **Từ đồng âm:**

**Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.**

**Ví dụ**: đường với nghĩa chất kết tinh có vị ngọt (ngọt như đường) đồng âm với đường có nghĩa lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường).

Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.

**Ví dụ**: Trong bài ca dao sau, tác giả đã cố ý dùng từ lợi theo hai nghĩa: "Bà già đi chợ Cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng/ Thầy bói gieo quẻ nói rằng/ Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn".

🡺 **Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa:**

*\*****Giống nhau****:* Đều có hình thức âm thanh giống nhau ( đọc và viết).

*\*****Khác nhau****:*

*-* Từ đồng âm là từ cùng âm thanh những nghĩa khác nhau.

Ví dụ:

Cô ấy được điểm ***chín*** ( chín: chỉ một con số).

Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( chín: lúa đến lúc thu hoạch).

* Từ nhiều nghĩa là từ một nghĩa gốc có thể tạo thành nhiều nghĩa chuyển.

Ví dụ:

Cánh đồng bát ngát lúa ***chín*** ( nghĩa gốc).

Hãy nghĩ cho ***chín*** rồi mới nói ( chín: suy nghĩ kĩ càng, chắc chắn).

GV lưu ý:

Từ đồng âm: bản chất là những từ khác nhau, có vỏ âm thanh giống nhau, do đó nghĩa của chúng khác xa nhau, chẳng có mối liên hệ nào.

Từ đa nghĩa: bản chất là một từ, có nhiều nghĩa, các nghĩa có mối liên quan, nghĩa chuyển bao giờ cũng sinh ra trên cơ sở nghĩa gốc.

**3.** **Biện pháp tu từ hoán dụ**

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;

+ Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

a. Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi **nhắm mắt xuôi tay**, nằm trên chiếc giường tre, tre với mình sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

*Hình ảnh hoán dụ: Nhắm mắt xuôi tay:* nói đến cái chết.

b. Tre giữ làng giữ nước, giữ **mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.**

*Hình ảnh hoán dụ: Mái nhà tranh, đồng lúa chín*: thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.

c. Thị thơm thì giấu người thơm/Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

*Hình ảnh hoán dụ: Áo cơm cửa nhà*: nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng.

**4. Thành ngữ:**

- Khái niệm: Thành ngữ là cụm từ cố định, biểu thị một ý tương đối hoàn chỉnh.

- Muốn giải nghĩa của thành ngữ cần căn cứ vào ngữ cảnh sử dụng.

**-** Công dụng: Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao

✪ **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

\*GV tổ chức trò chơi: Trò chơi “Nhanh như chớp”

- GV chia lớp thành 2 dãy. Mỗi dãy là một đội.

**+ Vòng 1** (05 phút): Viết nhanh lên bảng các câu nói chứa từ đồng âm.

Ví dụ: + Con **bò** đá con **bò** đá

+ Con ruồi **đậu** mâm xôi **đậu** đỏ.

(Lưu ý: mỗi HS trong đội chỉ được lên bảng 01 lần và viết 01 câu rồi về chỗ để thành viên khác viết đáp án tiếp theo).

**+ Vòng 2 (03 phút):** Kể nhanh các từ mượn trong tiếng Việt mà em biết.

(Lưu ý: Hai đội thay nhau đưa ra đáp án nối tiếp. Nếu đội nào sau 05 s mà không đưa ra được đáp án đúng thì sẽ thua cuộc).

\***Các bài tập thực hành khác:**

1. **Bài tập 1:** Trong Tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

**Gợi ý**

Lá phổi, lá gan, trái tim, cuống họng.

**2.** **Bài tập 2:** Xác định nghĩa của từ ***chín*** trong các câu sau:

a) Vườn cam **chín** đỏ.

b) Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho **chín.**

c) Ngượng **chín** cả mặt.

d) Cơm sắp **chín**, có thể dọn cơm được rồi

**Gợi ý trả lời**

1. **Chín**: trạng thái quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon; trái với *xanh*.
2. **Chín:** sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả
3. **Chín:** (màu da mặt) đỏ ửng lên
4. **Chín:** (thức ăn) được nấu nướng đến mức ăn được; trái với sống

**3.Bài tập 3: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:**

**a) Chạy**

- Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.

- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

**b) bàn**

- Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.

- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.

- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

**Gợi ý**

1. - Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.

🡪 chạy: di chuyển từ điểm này đến điểm khác.

- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

🡪 chạy: xoay sở, lo toan trong hoàn cảnh khó khăn.

**-** Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.

🡪 bàn: vật dụng có mặt phẳng, dùng để đặt, để đồ đạc, thức ăn,...

- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.

🡪 bàn: hoạt động thảo luận trong một nhóm người để đi đến kết quả cuối cùng

- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

🡪 bàn: điểm số, bàn thắng ghi được trong trận bóng

**4.Bài tập 4:** Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

a) Cánh đồng - tượng đồng - một nghìn đồng.

b) Hòn đá – đá bóng.

c) Ba và má – ba tuổi.

**Gợi ý:**

a) - Cánh đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.

- Tượng đồng: làm bằng kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng làm dây điện và chế hợp kim.

- Một nghìn đồng: đơn vị tiền Việt Nam.

b) - Hòn đá: Khoáng vật có thể đặc, rắn, giòn, thường kết thành tảng lớn, hợp phần của vỏ trái đất, dùng lát đường, vật liệu xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc.

- Đá bóng: đưa nhanh chân và hất mạnh bóng cho xa ra hoặc đưa bóng vào khung thành đối phương.

c) - Ba và má: bố, cha, thầy, mẹ, u, bầm… - một trong những cách xưng hô đối với người sinh thành ra mình.

- Ba tuổi: biểu thị số năm sinh sống trên đời là 3.

**Nội dung 2: Biện pháp tu từ hoán dụ**

**1.**Cho đoạn thơ sau :

*Áo nâu liền với áo xanh*

*Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.*

(Tố Hữu)

a) Trong đoạn thơ trẽn, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để làm phép hoán dụ ?

b) Phép hoán dụ ở đây nhằm chỉ đối tượng nào ?

c) Tác dụng của các phép hoán dụ trong đoạn thơ.

**2.**Cho các câu sau đây

*-Tay ta tay búa, tay cày*

*Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.*

(Tố Hữu)

*Đứng lên, thân cỏ, thân rơm*

*Búa liềm không sợ súng gươm bạo tàn*

(Tố Hữu)

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim

(Phạm Tiến Duật)

a) Đó là những hoán dụ kiểu gì ?

b) Cách sử dụng hoán dụ như vậy có tác dụng gì ?

**1.**

a)

- Hình ảnh hoán dụ: “áo xanh” để chỉ công nhân, “Áo nâu” chỉ nông dân (Lấy dấu hiệu để chỉ vật có dấu hiệu)

- Hình ảnh hoán dụ “ nông thôn” và “thị thành” cũng đều người nông dân, người công nhân (Lấy vật chứa để chỉ vật bị chứa)

b. Tác giả muốn tránh lặp lại, đồng thời thay đổi nhiều tên gọi khác nhau làm cho câu thơ, đoạn thơ sinh động, uyển chuyển.

**2.**

a. Học sinh trả lời câu hỏi sau đây để tìm lời giải.

– Các từ tay thay thế cho những ai ? Quan hệ giữa tên gọi (tay) và đối tượng cần biểu thị là quan hệ gì ? Đây có phải lấy bộ phận để chỉ toàn thể không ?

* + Búa liềm thay cho ai ? Súng gươm thay cho kẻ nào ? Đây có phải là lấy vật dụng để chỉ người không ? Theo đó học sinh tự giải bài tập này.

b. Hoán dụ:

- búa liềm: chỉ giai cấp nông dân và công nhân (nhân dân Việt Nam)

- súng gươm bạo tàn: chỉ lũ giặc tàn ác.

c. Hoán dụ: Trái tim: tình yêu nước, ý chí quyết tâm, nhiệt huyết cách mạng của người lính lái xe Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ.

**Nội dung 3: Thành ngữ**

**1. Bài tập 1:** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

*a) Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*

(Nguyễn Công Hoan)

*b) Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

*c) Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

a) Ruột nóng như cào : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b) *Ruột để ngoài da* : (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm không tính toán nhiều.

c) *Nhắm mắt làm ngơ* : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên luỵ, phiền phức.

**2. Bài tập 2:**

Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

   Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

**Gợi ý trả lời**

 \*Đặt câu với thành ngữ:

– *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)

– *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

– *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

 \*  Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…*

**3. Bài tập 3:**

**-** Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau **(dạng 1)** **: gồm hai yếu tố có quan hệ so sánh với nhau (được biểu thị bởi từ như chỉ sự so sánh).**

**- Đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được.**

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| *Đắt như tôm tươi* | được rất nhiều người mua, có bao nhiêu cũng hết ngay; rất đắt hàng VD: Cô ấy bán hàng *đắt như tôm tươi,* bao nhiêu cũng hết. |
| *Lúng ba lúng búng như ngậm hột thị* | nói ấp úng, không rõ ràng, thiếu rành mạch.  VD: Bạn ấy nói năng l*úng ba lúng búng như ngậm hột thị chả ai hiểu gì cả.* |
| *Trắng như tuyết* | Rất trắng, không gì trắng bằng (thường để chỉ da)  VD: Cô ấy có làn da *trắng như tuyết ấy nhỉ!* |
| *Đen như cột nhà cháy* | Rất đen, khó ai có thể đen hơn (chỉ da)  Mùa hè mà nó cứ diễu nắng thì có mà *đen như cột nhà cháy.* |

**4. Bài tập 4:**

**-** Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau **(dạng 2)**: **gồm hai vế tương ứng với nhau (trong đó có sự đan xen giữa các từ ở mỗi vế).**

**- Đặt câu với thành ngữ vừa tìm được**

**Gợi ý trả lời**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Đối xứng** | **Ý nghĩa** |
| *Mắt nhắm mắt mở* | *Nhắm- mở* | - Ở tình trạng vừa mới bừng mắt dậy, chưa tỉnh hẳn - Chỉ sự vội vã  Ví dụ: Gà mới gáy độ vài lần đã mải mốt choàng dậy, ***mắt nhắm mắt mở*** cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội. (Nam Cao) |
| *Dời non lấp bể* | *Dời- lấp* | - Chỉ hành động phi thường, có ý nghĩa lớn lao, vĩ đại. |
| *Lên voi xuống chó* | *Lên- xuống* | Trải qua nhiều gian nan. |
| *Dậu đổ bìm leo* | *Đổ- leo* | Nói đến việc lợi dụng người khác gặp điều không hay hoặc khó khăn, hoạn nạn để lấn lướt, áp đảo. |
| *Bảy nổi ba chìm* | *Chìm- nổi* | Chỉ cảnh ngộ của một người lận đận, long đong vất vả nhiều phen. |

**5. Bài tập 5: Ghép thành ngữ ở cột trái với nghĩa tương ứng ở cột phải:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| *Thả hổ về rừng* | Tình thế đến bước đường cùng, không còn lối thoát. |
| *Nuôi ong tay áo* | Chỉ sự thay đổi lớn lao của vũ trụ, của cuộc đời. (Dù cho bể cạn non mòn) |
| *Lên thác xuống ghềnh* | Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc. |
| *Chuột chạy cùng sào* | Chỉ cảnh gian nan, vất vả. |
| *Bể cạn non mòn* | Hành động bao che, tiếp tay cho cái ác, cái xấu mà không biết. |

Gợi ý trả lời

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành ngữ** | **Nghĩa của thành ngữ** |
| *Thả hổ về rừng* | 🡺Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc. |
| *Nuôi ong tay áo* | 🡺Hành động bao che, tiếp tay cho cái ác, cái xấu mà không biết. |
| *Lên thác xuống ghềnh* | 🡺Chỉ cảnh gian nan, vất vả |
| *Chuột chạy cùng sào* | 🡺Tình thế đến bước đường cùng, không còn lối thoát |
| *Bể cạn non mòn* | 🡺Chỉ sự thay đổi lớn lao của vũ trụ, của cuộc đời. |

**BUỔI 4**

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**- LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**- VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**A**. **LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**Các bước viết một bài thơ lục bát** (ngắn dài tùy ý) về cha, mẹ, ông, bà hoặc thầy, cô giáo:

**- Bước 1: Chuẩn bị:**

+ Xác định đối tượng bài thơ. (Gia đình, quê hương, bố mẹ, mái trường, thầy cô, bạn bè….).

**Ví dụ**:

+ Điều em định viết trong bài?

**Ví dụ:**

**- Thiên nhiên quanh em**

- Người thân yêu của em: Tình yêu thương, sự hi sinh của mẹ cho con.

**- Bước 2: Viết bài thơ:**

- Ý tưởng có thể đến bất chợt, cũng có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc đã diễn ra mà mình ấn tượng sâu sắc.

- Suy nghĩ vể ý tưởng mà mình muốn viết (thể hiện).

- Chọn một ý tưởng (sự việc, con người…) mà mình tâm đắc nhất.

**Ví dụ**: Một giọt sương đêm đọng trên cánh hoa, một cánh diều chao liệng...

+ Lựa chọn từ ngữ thích hợp thể hiện hình ảnh người mà em muốn viết và diễn tả tình cảm của em với hình ảnh đó. Thử vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ,...

+ Sắp xếp các từ ngữ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ lục bát.

**- Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

+ Đọc lại bài thơ.

+ Bài thơ đã đảm bảo số tiếng, vần, nhịp và luật bằng trắc của thơ lục bát chưa? Có mắc lỗi chính tả không?

+ Bài thơ có tập trung thể hiện về người em chọn viết và tình cảm của em với người đó không?

+ Có nên thay thế từ ngữ nào để bài thơ diễn tả chính xác hoặc hay hơn không?

**Bảng tự đánh giá hình thức và nội dung bài thơ (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Bài thơ gồm các dòng lục (6 tiếng) và các dòng bát (8 tiếng). |  |
|  | Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn. |  |
|  | Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát kế nó. |  |
| **Hình thức** | Tiếng thứ 8 của câu bát đó lại vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp. |  |
|  | Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ… |  |
| **Nội dung** | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống. |  |

✪ **BÁO CÁO SẢN PHẨM VIẾT** (Sau tiết học buổi sáng, GV đã giao HS về nhà tự sáng tác hoàn chỉnh một bài thơ lục bát ngắn).

* GV gọi một số HS trình bày sản phẩm trước lớp.
* GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm viết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Bài thơ lục bát tập làm viết về người thân hoặc thầy/cô giáo.  **(10 điểm)** | Bài thơ chưa đúng về hình thức (số tiếng, vần nhịp,…), còn mắc lỗi chính tả; chưa thể hiện rõ người cần viết và tình cảm của người viết.  (5 - 6 điểm) | Bài thơ tương đối chính xác hình thức (số tiếng, vần nhịp,…),; thể hiện tương đối rõ người cần viết và tình cảm của người viết.  (7 - 8 điểm) | Bài thơ chính xác hình thức (số tiếng, vần nhịp,…); thể hiện xúc động về người cần viết và tình cảm của người viết.  (9 - 10 điểm) |

* HS khác lắng nghe, nhận xét, cùng rút kinh nghiệm.
* GV cho điểm HS.

**B. VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Đoạn văn là gì?**

**-** Đoạn văn là bộ phận của văn bản, có chủ đề thống nhất, có kết cấu hoàn chỉnh được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng.

+ *Về nội dung:* đoạn văn thường diễn đạt một ý tương **I**đối hoàn chỉnh. Các câu trong đoạn văn thường liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm rõ nội dung.

+ *Về hình thức:* mỗi đoạn văn bao gồm một số câu văn có liên kết với nhau về mặt hình thức, thể hiện bằng các phép liên kết; mỗi đoạn văn được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

**2. Viết đoạn văn nêu cảm xúc về bài thơ lục bát**

- Là ghi lại những cảm xúc của bản thân về bài thơ đó.

- Người viết cần trả lời câu hỏi: *Bài thơ gợi cho em những cảm nghĩ gì?*

- Đoạn văn có thể chỉ nêu cảm nghĩ về một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ lục bát mà em có ấn tượng và yêu thích.

**3. Các bước làm viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ lục bát**  **.**

**Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.

- Chọn bài thơ mà em sẽ phát biểu cảm nghĩ.

- Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu bài thơ.

**Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

 a.Tìm ý

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.

- Xác định chủ đề của bài thơ.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.

- Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.

b. Lập dàn ý.

Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:

\*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.

\* Thân đoạn:

Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.

- Nêu lên các lí do khiến em thích.

\* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

**Bước 3: Viết**

Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý lựa chọn các từ ngữ phù hợp để diễn tả cảm nghĩ của em về bài thơ.

**Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:**

 + **Kiểm tra dàn ý** đã xây dựng và xác định các lỗi về nội dung cần chỉnh sửa.

+ **Kiểm tra đoạn văn** đã viết, phát hiện và tìm cách sửa các lỗi về viết: dùng từ, chính tả, ngữ pháp, trình bày,...

**II. Thực hành**

**Đề bài:** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học, đã đọc..

**1. Đề bài 1:** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một bài ca dao: “Công cha như núi ngất trời”

**a. Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề:

+ Dạng bài: phát biểu cảm nghĩ.

+ Đối tượng: bài ca dao: “Công cha như núi ngất trời”

+ Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu ca dao (đọc lại bài ca dao 3,4 lần, vừa đọc vừa nghĩ đến hình ảnh, ngôn từ để hình dung, xác định được cảm xúc của bản thân)

**b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

**\* Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài ca dao mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, biết ơn, tự hào về cha mẹ.

- Xác định chủ đề của ca dao: Ca ngợi công lao của cha mẹ với con cái và nhắc nhở bổn phận làm con.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài ca dao.

**+ Hình ảnh “***Núi ngất trời”, “Nước ở ngoài biển Đông*”.

**+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc: “*Công cha – như – núi ngất trời”, “Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông”***

+ Nội dung: Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao, tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái.

\* **Lập dàn ý**đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

+ **Mở đoạn:** giới thiệu được bài ca dao : trích bài và dẫn dắt nêu bật cảm nghĩ chung về ca dao “Công cha như núi ngất trời”

+ **Thân đoạn:**

**+ Hình ảnh “**Núi ngất trời”, “Nước ở ngoài biển Đông”.

**+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc: “*Công cha – như – núi ngất trời”, “Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông”***

Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao, tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái.

Lời nhắc nhở con phải ghi nhớ, biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ

**+ Kết đoạn:** Bài ca dao khơi dậy trong mỗi con người tình yêu, sự tôn kính, biết ơn cha mẹ.

1. **Bước 3: Gợi ý cách viết**

**Đoạn văn tham khảo**

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Không biết từ bao giờ, bài ca dao trên luôn vang vọng trong tâm hồn mỗi con người, gợi nhắc ta về tình cảm gia đình thiêng liêng, tình yêu thương của cha mẹ với con cái ***.*** Với giọng điệu thủ thỉ, tâm tình của người mẹ với con trong lúc hát ru, mẹ gợi nhắc đến “Công cha”, “nghĩa mẹ”. Đó là cách bày tỏ tình yêu thương con tha thiết. Bằng những hình ảnh so sánh đặc sắc, tác giả dân gian lấy “ *Núi ngất trời*” để ví với “Công cha”, cũng đủ để khẳng định công lao của cha là lớn lao đến vô cùng, vô tận. Còn *“nghĩa mẹ*” được ví với “nước ở ngoài biển Đông” bao la, mênh mông không kể xiết. Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Hai câu thơ đầu cũng là lời bày tỏ tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Tác giả dân gian c**a ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta.** Hai câu sau là lời nhắn gửi thiết tha với con. Để con ghi nhớ, bài ca dao dùng cách lặp lại hình ảnh như một khẳng định để con khắc cốt ghi tâm *“Núi cao, biển rộng mênh mông”.* Các tính từ tiên tiếp xuất hiện như mở ra trước mắt con một khung trời bao lao, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên. Hay nói đúng hơn là khắc sâu tình yêu, đức hi sinh, công lao của cha mẹ với con. Chín chữ cù lao kể sao cho xiết! Cụm từ “*ghi lòng con ơi!”* cuối bài ca dao tạo âm vang tha thiết. Lời nhắn gửi xúc động để con ghi lòng tức là luôn nhớ, không bao giờ ðýợc quên. Chỉ thế thôi, bài ca nhắc nhở bổn phận làm con phải biết õn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ! Bằng những câu thõ lục bát nhẹ nhàng, giọng thõ tâm tình, sâu lắng, bài ca dao đã làm xúc động bao tâm hồn, là tiếng gọi nhớ về cha mẹ, quê hương cho ai xa quê, xa cha mẹ.

**1. Đề bài 1:** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một bài ca dao: “Gió đưa cành trúc la đà...”

**a. Bước 1: Chuẩn bị:**

 - Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề:

+ Dạng bài: phát biểu cảm nghĩ.

+ Đối tượng: bài ca dao: “Gió đưa cành trúc la đà..”

+ Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu ca dao (đọc lại bài ca dao 3,4 lần, vừa đọc vừa nghĩ đến hình ảnh, ngôn từ để hình dung, xác định được cảm xúc của bản thân)

**b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

**\* Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài ca dao mang lại: khơi dậy trong em niềm tự hào, yêu mến vẻ đẹp quê hương đất nước.

- Xác định chủ đề của ca dao: cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình; ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài ca dao.

**+ Hình ảnh**

+ Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”* *“mịt mù khói tỏa ngàn sương”,* hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”*

+ Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*

*+ “Mặt gương Tây Hồ”*

*Nghệ thuật: chọn lựa hình ảnh, âm thanh*

*+ Từ láy “la đà”, “mịt mù”; hình ảnh ẩn dụ “mặt gương Tây Hồ”.*

+ Nội dung: Tác giả vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu vào buổi sáng sớm nơi kinh thành Thăng Long.

\* **Lập dàn ý**đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

+ **Mở đoạn:** giới thiệu được bài ca dao : trích bài và dẫn dắt nêu bật cảm nghĩ chung về ca dao “*Gió đưa cành trúc la đà...”*

+ **Thân đoạn:**

+ + Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”* *“mịt mù khói tỏa ngàn sương”,* hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”*

+ + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*

*+ + “Mặt gương Tây Hồ”*

*Nghệ thuật: chọn lựa hình ảnh, âm thanh*

*+ + Từ láy “la đà”, “mịt mù”; hình ảnh ẩn dụ “mặt gương Tây Hồ”.*

+ Nội dung:

Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình

Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước:

**+ Kết đoạn:** Bài ca dao khơi dậy trong mỗi con người tình yêu, tự hào, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước.

**Bước 3: Gợi ý cách viết**

Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ Xương.  
Mịt mờ khói toả ngàn sương,  
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Những dòng ca dao trên được lưu truyền trong dân gian, là khúc ca ca ngợi vẻ đẹp của thủ đô Hà Nội hàng ngàn năm tuổi. Đọc bài ca dao, bức tranh thiên nhiên thơ mộng, yên bình của kinh thành Thăng Long mở ra trước mắt người đọc. Trong không gian của buổi sáng mùa thu, khung cảnh Thăng Long được miêu tả với hình ảnh: *“gió đưa cành trúc*, gió không thổi mà chỉ đưa nhẹ nhàng làm đung đưa những cành trúc la đà sát mặt đất. Cảnh sắc gợi ra cái êm đềm, trong trẻo của khí thu mát mẻ trong lành. Đâu đó, vang lên âm thanh quen thuộc bình dị:*“Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương”.* Xa xa văng vẳng tiếng chuông Trấn Vũ, tiếng gà gáy tàn canh ở huyện Thọ Xương vọng tới, báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy tạo ra âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu. Tác giả dân gian khéo léo dùng từ láy “la đà”, “mịt mù” làm tăng sự huyền ảo lung linh của cảnh vật, của cuộc sống. Lấy âm thanh tiếng gà gáy từ xa vang đến, tiếng chuông chùa ngân vang cho thấy bước đi của thời gian, trời gần về sáng, và không gian vô cùng yên tĩnh. Thăng Long xưa yên bình và cùng không kém phần sôi động. Trong không gian ấy, cuộc sống lao động của nhân dân bắt đầu *“nhịp chày Yên Thái”*ngân vang dồn dập, khẩn trương. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ nơi kinh đô. Vẻ đẹp nên thơ, huyền ảo của Hồ Tây được miêu tả qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”.* Hồ Tây tựa như một chiếc gương khổng lồ phản chiếu những sắc màu và nhịp sống vừa rộn rã vừa yên bình của Thăng Long*.* Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước. Bài ca cho ta thêm yêu mến, tự hào về thủ đô, thêm yêu cuộc sống và yêu quê hương đất nước!

**3. Đề bài 3:** Em hãy viết một đoạn văn trình bày cảm xúc về văn bản“Việt Nam quê hương ta" của nhà thơ Nguyễn Đình Thi

**(Dành cho HS giỏi)**

**Hướng dẫn HS: Tìm ý và lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, tự hào, tình yêu quê hương đất nước

- Xác định chủ đề của ca thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người Việt Nam, qua đó thể hiện tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.

+ Biện pháp tu từ nhân hoá: Việt Nam đất nước ta ơi!

+ BPTT so sánh không ngang bằng: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.

+ Từ láy: mênh mông, rập rờn

+ Cách gieo vần của 4 câu thơ đầu: ơi-trời; hơn-rờn-sơn.

+ Cách ngắt nhịp: câu 1 và câu 3 nhịp 2/2/2, câu 2 và câu 4 nhịp 2/2/2/2

Cảm nhận nội dung

+ cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, giàu sức sống

+ những con người cần cù, chịu khó trong lao động, anh hùng, kiên cường trong chiến đấu và hiền lành, chăm chỉ, thuỷ chung trong cuộc sống đời thường.

Từ đó, tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện ở sự tự hào về quê hương, đất nước

b. **Lập dàn ý**đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

\* **Mở đoạn:** giới thiệu tên văn bản “*Việt Nam quê hương ta*” của nhà thơ Nguyễn Đình thi là một bài

\* **Thân đoạn:**

**Ấn tượng về bài thơ là ở điểm gì?**

**+ Vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam.**

+ + Biện pháp tu từ nhân hoá: Việt Nam đất nước ta ơi!

+ + BPTT so sánh không ngang bằng: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.

+ + Từ láy: mênh mông, rập rờn

+ + Cách gieo vần của 4 câu thơ đầu: ơi-trời; hơn-rờn-sơn.

+ + Cách ngắt nhịp: câu 1 và câu 3 nhịp 2/2/2, câu 2 và câu 4 nhịp 2/2/2/2

Những câu thơ cân xứng, nhịp nhàng. Hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, thân quen, làm tăng mức độ của đất trời Việt Nam không đâu sánh bằng. Từ đó toát lên vẻ đẹp của quê hương đất nước.

**+ Vẻ đẹp con người Việt Nam.**

**+ +**  Sự vất vả, cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động: *“Mặt người vất vả in sâu”, “chịu nhiều thương đau", "áo nâu nhuộm bùn*."

+ + Sự anh hùng, mạnh mẽ, kiên cường trong chiến đấu (*chịu nhiều đau thương, chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên, đạp quân thù xuống đất đen*) *.Hình ảnh nói quá: “chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên*

*+ +* Hiền lành, ân tình, thủy chung: "*Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung.".*

+ + Tài năng: *"Trăm nghề trăm vùng”, "Dệt thơ trên tre".*Nghệ thuật: So sánh *"Tay người như có phép tiên".*

**+Tình cảm của tác giả với quê hương, đất nước.**

- Tác giả đã thể hiện sự tự hào về quê hương, đất nước qua những khung cảnh thiên nhiên và văn hoá, con người .Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến, quý trọng với dân tộc.

**\* Kết đoạn:** Đọc văn bản “*Việt Nam quê hương ta*” của Nguyễn Đình Thi em thấy thêm yêu và niềm tự hào về quê hương, đất nước, con ngườiViệt Nam.

Đoạn văn tham khảo:

Văn bản “*Việt Nam quê hương ta”* (trích bài thơ Hắc Hải) của Nguyễn Đình Thi đã giúp em cảm nhận vẻ đẹp của đất nước con người Việt Nam. Với thể lục bát, âm điệu nhẹ nhàng, bay bổng nhưng cũng không kém phần sôi nổi, trầm hùng, văn bản chan chứa tình yêu và niềm tự hào của nhà thơ về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người. Bốn câu thơ đầu, nhà thơ khắc hoạ nên một bức tranh màu sắc hài hòa, tươi đẹp, rất đặc trưng của làng quê Việt. Câu thơ mở đầu cất tiếng gọi đầy tự hào “*Việt Nam đất nước ta ơi!”,* cách nhân hóa đất nước như người bạn, người thân, để nhà thơ bộ lộ tình cảm mến thương. Các hình ảnh ánh đồng lúa mênh mông, cánh cò trắng bay lả bay la, đỉnh Trường Sơn bao phủ bởi mây mờ đi vào trong thơ mang vẻ đẹp tiêu biểu, đặc trưng của đất nước Việt Nam. Biện pháp so sánh không ngang bằng “*Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*”, cách dùng ẩn dụ “*biển lúa”*, kết hợp từ láy giàu sức gợi hình *“mênh mông, rập rờn*”, nhà thơ tái hiện trước mắt người đọcvẻ đẹp hùng vĩ, thanh bình, giản dị, mộc mạc của thiên nhiên Việt Nam, đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả với đất nước. Từ vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, nhà thơ ca ngợi vẻ đẹp con người Việt Nam. Hình ảnh *“một áo nâu nhuộm bùn”* như minh chứng cho sự gian lao, tảo tần, cho đức hy sinh của những con người thật thà, chất phác. Con người Việt nam còn vô cùng anh hùng, mạnh mẽ, kiên cường trong chiến tranh*: “chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên”* . Những con người không chỉ anh dũng trong chiến đấu mà còn biết vượt qua mất mát chiến tranh, chịu thương, chịu khó cùng nhau xây dựng đất nước hòa bình, hạnh phúc. Hình ảnh so sánh độc đáo *"Tay người như có phép tiên"* để nhấn mạnh tài năng, trí tuệ của con người Việt trong cuộc sống mới *.* Như vậy, có thể nói, văn bản “*Việt Nam quê hương ta*” của Nguyễn Đình Thi đi vào tâm hồn người Việt, ấn tượng sâu đậm về vẻ đẹp thiên nhiên, con người Việt Nam. Mỗi câu thơ lục bát, giọng thơ thiết tha, tự hào gieo vào trái tim người đọc niềm xúc động, tự hào. Văn bản bồi đắp cho ta tình yêu, niềm tự hào về đất nước. Từ đó, mỗi chúng ta cần có ý thức trách nhiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hôm nay!

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:**

**Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương**

✪ **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

\***Các bước thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.**

**1.Bước 1: Chuẩn bị**

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Bài nói nhằm mục đích gì?

- Người nghe là ai?

- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?

- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?

**2.Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**

**- Xác định đề tài:**

**- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**

+ Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người)

*+ Các biểu hiện cụ thể* *của tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...)

+ Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...)

**Bước 3**. **Luyện tập**

- Tự mình tập luyện, tự trình bày (có thể đứng trước gương, ghi âm lại để tự rút kinh nghiệm).

- Trình bày trước một bạn hoặc một nhóm để nhờ họ góp ý.

**Bước 4: Trao đổi, đánh giá.**

- Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm.

- Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.

- Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình

✪ **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

**Đề bài 1: Quê em có nhiều cảnh đẹp, có lũy tre xanh, cây đa, mái đình, cánh đồng lúa...Em hãy trình bày suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó.**

**1.Bước 1: Chuẩn bị**

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Bài nói nhằm mục đích gì? (suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó)

- Người nghe là ai? (thầy/cô, các bạn)

- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? (trên lớp)

- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? (7 phút)

**Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**

***\*Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật*** *"bể cá"****(5 phút)***

*(GV chia lớp làm 2 nhóm, 1 nhóm thảo luận ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau , còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận (là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm)*

*Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Bảng câu hỏi dành cho những người quan sát*

* *Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?*
* *Họ có nói một cách dễ hiểu không?*
* *Họ có để những người khác nói hay không?*
* *Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?*
* *Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?*
* *Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?*

*Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?)*

*Nội dung thảo luận là tìm ý cho đề bài (em sẽ trình bày những ý chính nào để đáp ứng đề bài trên)*

*Sau khi thảo luận. Nhóm ở giữa lớp đứng lên trình bày ý, còn các bạn khác bổ sung thêm ý kiến*

**- Xác định đề tài: Cảnh làng quê nơi em gắn bó gợi cho em những suy nghĩ gì ?**

**- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**

+ Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người). Trong đó, cảnh vật quê hương vốn là những thứ thân quen, là dấu hiệu làng quê, nơi mỗi con người gắn bó, yêu thương.

*+ Các biểu hiện cụ thể* *của tình cảm gắn bó của con người với cảnh vật quê hương*:

+ + Cảnh thiên nhiên làng quê em: Vị trí em sinh ra và lớn lên ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, nên em đã gắn bó với cảnh vật quen thuộc của quê hương: Cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay, cây đa đầu làng vươn mình che bóng mát, mái đình làng cổ kính rêu phong, con sông quê êm đềm ôm ấp lấy từng thôn xóm, lũy tre xanh rì rào...

*+ + Biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với cảnh vật quê hương*

*. Với bản thân em: có nhiều hoạt động gắn bó như vui chơi cùng bạn bè dưới gốc đa đầu làng, thả diều trên cánh đồng mỗi khi chiều về, cùng cha mẹ lên đình đầu năm...*

*. Với gia đình em: mưu sinh trên cánh đồng vất vả quanh năm, cùng bà con tham gia nhiều hoạt động dưới lũy tre,...*

*. Với mọi người ở làng: ai cũng gắn bó sinh hoạt, làm ăn...*

*. Với người xa quê: cảnh làng luôn trong nỗi nhớ, khao khát trở về sum họp cùng gia đình.*

+ Ý nghĩa của sự gắn bó với cảnh vật thiên nhiên quê hương: bồi đắp tình yêu quê hương với mỗi người, giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...

+ Kết thúc vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với*cảnh vật quê hương.

**Bài nói tham khảo:**

**- Chào hỏi và nêu vấn đề:**

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: trình bày suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó

-**Trình bày vấn đề:** *( Giọng tâm tình, vừa phải, tự tin)* Có một nhà thơ từng viết:

*“Quê hương là gì hả mẹ*

*Mà cô dạy phải yêu thương”*

Tình yêu quê hương là tình cảm thiêng liêng, sâu đậm trong tâm hồn mỗi con người. Với tôi, tình yêu ấy gắn với khung cảnh thiên nhiên làng quê tôi. Sinh ra ở vùng quê đồng bằng sông Hồng, làng quê tôi có những cảnh vật mà tôi gắn bó yêu thương, nào là lũy tre xanh rì rào, nào là cây đa đầu làng vươn bóng mát, là mái đình cổ kính rêu phong, và đặc biệt là cánh đồng lúa cò bay thẳng cánh quen thuộc.

*( Giọng chia sẻ, vui vẻ, tự hào)*  Có thể nói, mỗi miền quê đều có những cảnh sắc đặc trưng riêng. Quê tôi không có những rặng dừa nghiêng mình soi bóng, không có những thảo nguyên mênh mông, quê tôi là làng quê Bắc Bộ cả mấy trăm năm tuổi. Ở làng tôi, ai đi đâu xa về gần tới làng, họ sẽ hướng mắt xem cây đa đầu làng đâu? Cây đa vươn cánh tay lớn như đang chào đón mỗi người dân quê trở về làng, bao giờ cũng đi xuyên qua những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay. Những thửa ruộng bằng phẳng mênh mông là nơi dân làng quanh năm chân lấm tay bùn gắn bó. Và chắc chắn, về làng, là về với lũy tre xanh ôm ấp lấy con đường, những ngôi nhà trong xóm. Rồi về làng, ai cũng nhớ lên đình làng, thăm lại mái ngói rêu phong như đang chờ đợi mọi người xa quê trở về.

*( Giọng tâm tình, vừa phải, xúc động)* Tình yêu và sự gắn bó của con người với cảnh vật quê hương là một tình cảm thiêng liêng. Với đám trẻ con chưa có dịp đi xa khỏi làng như tôi, tình yêu làng không phải là nỗi nhớ cồn cào, mà đó là niềm vui được chơi cùng bạn bè dưới gốc đa đầu làng, thả diều trên cánh đồng mỗi khi chiều về. Đó còn là phút giây trống ngực đập thình thịch khi vào phút giao thừa, tôi được cùng cha mẹ lên đình xin lộc đầu xuân...Còn với bà con làng xóm, gốc đa đầu làng để mọi người cùng nghỉ chân khi đi làm đồng về, những câu chuyện tếu táo của mấy bác nông dân cũng đủ vang cả một vùng trời. Ai đi xa làng cũng thèm nhìn thấy gốc đa, nhìn thấy gốc đa là thấy cả tuổi thơ ở đó. Từ gốc đa, cánh đồng lúa quê nhà, bao trai gái trong làng đã trưởng thành khôn lớn. Với bao gia đình làm nghề nông trong làng, tình cảm gắn bó với quê hương còn là bao ngày cần mẫn sớm hôm trên đồng lúa. Cánh đồng làng nơi chứa đựng bao tình yêu và hi sinh của ông bà cha mẹ cho con cháu được no ấm, được học hành.

*( Giọng sâu lắng)* Cảnh vật thiên nhiên nơi làng quê không chỉ đem lại cho mỗi con người cảm giác được chở che, bao bọc bới tình yêu thương của mảnh đất nơi mình sinh ra. Mỗi khi nhìn cảnh vật thân thuộc ấy, chúng ta thấy thêm gắn bó với cảnh vật thiên nhiên quê hương. Mỗi chúng ta tự bồi đắp cho mình tình yêu quê hương. Để khi bước chân trên đường đời mỗi người sẽ muốn sống tốt hơn, luôn phấn đấu để hoàn thiện bản thân. Quê hương còn là động lực để con người phấn đấu trưởng thành. Gắn bó với cảnh thiên nhiên nơi quê nhà để nhắc mỗi chúng ta không quên cội nguồn.

Vậy còn các bạn, tình cảm của các bạn đối với quê hương là gì? Tình cảm ấy đôi khi được thể hiện bằng hành động, việc làm hàng ngày. Mỗi ngày chúng ta chăm chỉ học hành, siêng năng lao động, sống cới mở, chan hòa...Đó là những gì đơn giản nhất để chúng ta làm đẹp quê hương mình đấy!

**Kết thúc bài nói**:

Cám ơn cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Tôi rất mong được nghe chia sẻ của các bạn !

**Đề bài 2: Đất nước ta có nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nổi tiếng. Em hãy trình bày suy nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em.**

**1.Bước 1: Chuẩn bị**

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Bài nói nhằm mục đích gì? (suy nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em). Đối thượng chọn: Ví dụ ở Nam Định HS có thể chọn khu di tích lịch sử Đền Trần.

- Người nghe là ai? (thầy/cô, các bạn)

- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? (trên lớp)

- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? (7- 8 phút)

**Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**

***\*Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật khăn trải bàn***

*Nội dung thảo luận là tìm ý cho đề bài (em sẽ trình bày những ý chính nào để đáp ứng đề bài trên)*

*Sau khi thảo luận. Nhóm ở giữa lớp đứng lên trình bày ý, còn các bạn khác bổ sung thêm ý kiến*

- Xác định đề tài: chọn một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em. Danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử đó gợi cho em những suy nghĩ gì ? (HS bày tỏ suy nghĩ: tự hào, biết ơn, trân trọng, phải có ý thức bảo vệ, giữ gìn...)

**- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**

+ Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người). Trong đó, danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em là giá trị văn hóa cao quý cần được mọi người có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị. Ở Nam Định quê em, Đền Trần là một di tích lịch sử cấp quốc gia, là niềm tự hào của người dân quê em.

*+ Các biểu hiện cụ thể* *của tình cảm gắn bó của con người với di tích lịch sử đền Trần*

+ + Giới thiệu khái quát về Đền Trần, về những giá trị lịch sử của dân tộc ở di tích Đền Trần

+ + Biểu hiện cụ thể của tình cảm của nhân dân hướng về Đền Trần

. Với bản thân em: được học tập lịch sử để tăng thêm hiểu biết về Đền Trần, được cùng các bạn và thầy cô đến tham quan, học tập trải nghiệm ở Đền Trần

. Với gia đình em: Mọi người trong gia đình tích cực tìm hiểu về lễ hội Đền Trần, đến dâng hương ở đó vào dịp đầu xuân

. Với mọi người dân: Họ trảy hội Đền Trần, tham gia nhiều hoạt động văn hóa đa dạng, phong phú

+ Ý nghĩa của sự gắn bó, trân trọng, tìm hiểu về Đền Trần nói riêng và các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên đất nước nói chung

++ bồi đắp tình yêu quê hương với mỗi người

+ + Giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, giữ gìn những bản sắc văn hóa.

+ + Cần nâng cao ý thức trách nhiệm bảo về, tôn tạo, giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc. Giáo dục lòng biết ơn, trân trọng, tự hào về cha ông; giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...

+ Kết thúc vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về* di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em là giá trị văn hóa cao quý cần được mọi người có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị.

+ + biết cảnh giác và không tiếp tay cho hành động mê tín, dị đoan chuộc lợi đôi lúc còn xuất hiện ở nhiều di tích lịch sử

**Bài nói tham khảo:**

**- Chào hỏi và nêu vấn đề:** *( Giọng cởi mở, vui vẻ, tự tin)*

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường................. Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: trình bày suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó

-**Trình bày vấn đề:**

Nhớ ơn, biết ơn là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Điều này được thể hiện rất rõ qua ý thức bảo vệ, trân trọng các giá trị văn hóa, các di tích lich sử của cha ông ở mỗi miền quê. Nhắc đến Nam Định quê tôi phải nhắc đến di tích lịch sử Đền Trần. Đền Trần là niềm tự hào của quê hương chúng tôi. Về với Đền Trần, mỗi chúng ta không chỉ tham quan khu di tích, mà còn được học những giá trị văn hóa đặc sắc.

*( Giọng tâm tình, vừa phải, tự hào)* Trước hết, chúng ta cần tìm hiểu đôi nét về di tích lịch sử Đền Trần, ở Nam Định. **Đền Trần** là một quần thể đền thờ tại đường Trần Thừa, phường [Lộc Vượng](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%99c_V%C6%B0%E1%BB%A3ng), thành phố [Nam Định](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh_(th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91)) (sát [quốc lộ 10](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_l%E1%BB%99_10)), là nơi thờ các vua [Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n) cùng các quan lại có công phù tá [nhà Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n). Đền Trần được xây dựng từ năm 1695, trên nền [Thái miếu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_mi%E1%BA%BFu) cũ của [nhà Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n) đã bị [quân Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Minh) phá hủy vào thế kỷ XV. Khu di tích bao gồm 3 công trình kiến trúc chính là: đền Thiên Trường, đền Cố Trạch và đền Trùng Hoa, có kiểu dáng chung và quy mô ngang nhau. Hàng năm, tại đây sẽ diễn ra 2 lễ hội lớn, đó là Lễ khai ấn đầu xuân và Hội đền tháng tám, thu hút đông đảo người dân và du khách thập phương về dự, tri ân công đức của 14 vị vua Trần và cầu mong những điều tốt đẹp. Lễ khai ấn Đền Trần Nam Định: diễn ra từ ngày 14 - 15 tháng Giêng âm lịch. Tối ngày 14, bắt đầu nghi thức rước hòm ấn từ nội cung đền Cố Trạch sang đền Thiên Trường, rồi làm lễ khai ấn vào đúng giờ Tý... sau đó khách thập phương vào đền tế lễ, xin lá ấn với mong muốn năm mới thành đạt và phát tài. Hội Đền Trần ở Nam Định : diễn ra từ ngày 15 - 20 tháng 8 âm lịch.

*( Giọng dõng dạc, cao giọng hơn)*Hướng về Đền Trần, tìm hiểu, đi tham quan di tích lịch sử Đền Trần là niềm tự hào không chỉ của người Nam Định mà còn là của mọi người dân trên đất nước ta. Với bản thân tôi, là học sinh lớp 6, tôi luôn mong muốn, có ý thức tìm tòi, khám phá nhiều khu di tích lịch sử trong đó có Đền Trần. Điều đó, giúp tôi trau dồi kiến thức môn khoa hoc xã hội. Để tăng thêm hiểu biết về Đền Trần, tôi đã được cùng các bạn và thầy cô đến tham quan, học tập trải nghiệm ở Đền Trần hồi học tiểu học. Đây là một trải nghiệm vô cùng ý nghĩa. Khi đi tham quan, chúng tôi được nghe chị hướng dẫn viên giới thiệu về lịch sử, kiến trúc, lễ hội Đền Trần. Tận mắt nhìn, tai được nghe, lòng tôi bồi hồi, xúc động về trang lịch sử oanh liệt của cho ông ở thế kí XIII. Tôi khâm phục, biết ơn những vị anh hùng dân tộc tài năng như Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật...đã có công lao lớn lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống giặc Nguyên Mông. Với gia đình tôi, mọi người trong gia đình tích cực tìm hiểu về lễ hội Đền Trần, đến dâng hương ở đó vào dịp đầu xuân. Với mọi người dân, tìm về Nam Định, trảy hội Đền Trần, tham gia nhiều hoạt động văn hóa đa dạng, phong phú trở thành một nét đẹp văn hóa đầu xuân.

*( Giọng chia sẻ, tình cảm)*Việc mỗi chúng ta biết trân trọng, tìm hiểu về Đền Trần nói riêng và các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên đất nước nói chung là điều vô cùng ý nghĩa. Việc làm và những suy nghĩ ấy đã bồi đắp tình yêu quê hương cho mỗi con người. Đây cũng là cách giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, giữ gìn những bản sắc dân tộc cho thế hệ trẻ. Mỗi người cần nâng cao ý thức trách nhiệm bảo về, tôn tạo, giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc. Giáo dục lòng biết ơn, trân trọng, tự hào về cha ông. Điều đó giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...

Đền Trần quê tôi là di tích lịch sử, niềm tự hào của người dân quê tôi. Từ bài viết này, tôi mong các bạn hãy trân trọng những giá trị lịch sử của dân tộc. Đó là cách bồi đắp cho mình tình yêu quê hương đất nước.

**Kết thúc bài nói**: Cám ơn cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Tôi rất mong được nghe chia sẻ của các bạn !

**BUỔI 5**

**Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tông hợp)**

**ĐỀ SỐ 01:**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng số** |
| **I. Tiếng Việt** | | Nhận diện được từ đồng âm, từ đa nghĩa, thành ngữ  Nhận diện được các phép tu từ hoán dụ | Hiểu được nghĩa của thành ngữ,  Phân biệt được hiện tượng từ đồng âm và từ đa nghĩa |  |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ: | | 5  1,25  12,5% | 3  0,75  7,5% |  |  | 8  2,0  20% |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | | Nhận biết được phương thức biểu đạt chính. | Hiểu được nội dung của đoạn thơ, hiệu quả của việc dùng từ và nghĩa của từ ngữ trong thơ | Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn để chia sẻ hình ảnh tương đồng của con người được gợi ra từ đoạn thơ |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | | 1  0,5  5 % | 2  1,0  10% | 1  0,5  5% |  | 3  2.0  20% |
| **III.Tập làm văn** | |  |  | Biết vận dụng kiến thức viết đoạn văn trình cảm xúc về một bài thơ lục bát yêu thích | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng viết bài văn trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | |  |  | 1  2  20 % | 1  4  40 % | 2  6  60% |
| Tổng | Số câu | 6 | 5 | 2 | 1 | 13 |
| Số điểm | 1.75 | 1,75 | 2.5 | 4 | 10 |
| Tỉ lệ | 17.5% | 17.5% | 25% | 40% | 100% |

**ĐỀ BÀI**

**Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**

**Câu 1:** Em chọn từ nào trong các từ sau để điền vào dấu {...} cho phù hợp?

**“ ...**là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau”

A. Từ đa nghĩa B. Từ đồng âm

C. Từ trái nghĩa D. Từ mượn

**Câu 2**: Từ “chiều” trong câu ca dao “Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều” là hiện tượng:

1. Từ đồng âm B. Từ đa nghĩa C. Từ trái nghĩa D.Cả ba đáp án trên đều sai

**Câu 3:** Hiện tượng từ đa nghĩa là xét về nghĩa khác nhau của... từ lại có liên quan đến nhau.

Điền từ nào thích hợp vào dấu {...}

1. một B. hai C. ba D. bốn

**Câu 4:** Xét nghĩa của từ **“chân”** trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào là hiện tượng đồng âm với từ “**chân**” trong câu “Anh em như thể chân tay/ Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.” (Ca dao)

1. Anh ấy sống rất chân tình.
2. Chân trời ở rất xa.
3. Tôi có chân trong đội tuyển bóng đá của lớp.
4. Anh ấy là chân sút của đội tuyển Việt Nam.

**Câu 5:** Câu thơ sau sử dụng phép tu từ gì?

“*Áo Chàm đưa buổi phân li*

*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”* (Tố Hữu)

A. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. So sánh D. Hoán dụ

**Câu 6**: “Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ ... với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.” Em chọn từ nào trong các từ sau để điền vào dấu {...} cho phù hợp?

A. gần gũi C. giống nhau

**B.** không giống nhau D. tương đồng

**Câu 7:** Thành ngữ nào chỉ “*những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả”*

1. Đẽo cày giữa đường
2. Thả hổ về rừng
3. Nuôi ong tay áo
4. Giậu đổ bìm leo.

**Câu 8**: Thành ngữ nào sau đây được dùng theo nghĩa ẩn dụ

A. Đục nước, béo cò.                                               C. H**ôi như cú mèo.**

C. Ngáy như sấm                                             D. Đắt như tôm tươi.

**Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)**

**Đọc *văn bản sau và thực hiện các yêu cầu***

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

“Chắt trong vị ngọt mùi hương

Lặng thầm thay những con đường ong bay

Trải qua mưa nắng vơi đầy

Men trời đất đủ làm say đất trời

Bầy ong giữ hộ cho người

Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày”

(Trích *Hành trình của bầy ong- Nguyễn Đức Mậu)*

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

**Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ?

**Câu 3:** Giải nghĩa từ *“say”* trong câu thơ: “*Men trời đất đủ làm say đất trời*”. Nêu hiệu quả của việc dùng từ “*say”* ở câu thơ?

**Câu 4:** Từ hành trình tìm kiếm mật ngọt của bầy ông trong đoạn thơ, em liên tưởng đến những hình ảnh của những con người như thế nào trong cuộc sống? Lí giải tại sao em có được liên tưởng đó

**Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)**

**Câu 1 (2.0 điểm):** Viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát mà em yêu thích.

**Câu 2 (4.0 điểm):** Quê em có nhiều cảnh đẹp (có lũy tre xanh, cây đa, mái đình, cánh đồng lúa...), có món ăn đậm đà hương vị, có danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.. và nhiều nét đẹp khác. Em hãy trình bày suy nghĩ của em về một trong những vấn đề đó để thấy được tình cảm sâu nặng của con người với quê hương.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
|  | **Phần I. Tiếng Việt ( 2,0 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | | **B** | **B** | **A** | **A** | **D** | **A** | **A** | **A** | | **2.0** |
| **Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1*** | Các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên: Biểu cảm | 0.5 |
| ***Câu 2*** | Nội dung chính của đoạn thơ  Ý nghĩa của hành trình đi tìm mật, và giá trị của sản phẩm mà bầy ong đem đến cho con người trong cuộc hành trình gian khổ của mình. | 0.5 |
| ***Câu 3*** | - Giải nghĩa từ *“say”* trong câu thơ: “*Men trời đất đủ làm say đất trời*” là: say mê, ở trạng thái bị tập trung, cuốn hút hoàn toàn vào một công việc hứng thú nào đó.- Tác giả dùng từ “say” để cho thấy giá trị của sản phẩm mà bầy ong đem lại cho cuộc đời là vô cùng quý giá, đó kết quả của một hành trình gian khổ để chắt chiu những hương vị, mật ngọt ở muôn hoa. Vì vậy, hành trình đó đã đem lại giá trị vô cùng ý nghĩa, tạo ra sức cuốn hút vô cùng với đất trời, con người. | 0.5 |
| ***Câu 4*** | HS có thể chia sẻ một hình ảnh những con người lao động thầm trong cuộc sống mà em thấy trên tivi hoặc thực tế:  + Công việc lao động thầm lặng và gian khổ của các y bác sĩ, các tình nguyện viên trong mùa dịch để cứu bệnh nhân mắc Cô- vít ở Bắc Giang, Thành phố Hồ Chí Minh.  + Hình ảnh những bác công nhân làm công tác vệ sinh môi trường trong mùa nóng. ..  Lí giải: Họ cũng giống như những con ong chăm chỉ cần mẫn, lặng lẽ làm việc để cống hiến sức lực của mình, làm đẹp cho cuộc đời.  HS biết dùng một từ láy thích hợp để miêu tả hình ảnh thiên nhiên đó phù hợp | 0.5 |
| **Phần III. Làm văn ( 6,0 điểm)** | | |
| ***Câu 1***  ***(2.0điểm)*** | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát mà em yêu thích* | 0,25 |
| *c.Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn*: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:  \*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  \* Thân đoạn:  Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.  - Nêu cảm xúc về ý nghĩa, chủ đề của bài thơ.  - Nêu lên các lí do khiến em thích.  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. | 1.0 |
| *d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có cảm nghĩ riêng, sâu sắc* | 0,25 |
| *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.* | 0,25 |
| ***Câu 2***  ***(4.0 điểm)*** | **a.** *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:* Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác. | 0.25 |
| **b.** *Xác định đúng yêu cầu bài viết*: trình bày suy nghĩ của em về tình cảm của con người với quê hương. | 0.25 |
| 1. Triển khai bài viết: Có thể theo gợi ý sau   :+ Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người)  *+ Các biểu hiện cụ thể* *của tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...)  + Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...)  (GV tham khảo bài viết đề 1,2 phần luyện nói) | 3.0 |
| d. Sáng tạo: HS có cách lập luận độc đáo, linh hoạt, cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề . | 0,25 |
| e. Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV. | 0,25 |

### **Câu 1: Tham khảo bài viết :**

**Đề bài :** Em hãy viết một đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “À ơi tay mẹ" của nhà thơ Bình Nguyên.

**Hướng dẫn HS: Tìm ý và lập dàn ý**

**a. Tìm ý**

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, biết ơn, tự hào về mẹ, về tình mẫu tử.

- Xác định chủ đề của ca thơ: tình mẫu tử thiêng liêng, hình ảnh người mẹ Việt Nam điển hình.

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.

**+ Hình ảnh**  hoán dụ “Bàn tay mẹ” - người mẹ ; ẩn dụ “chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng" chỉ khó khăn, vất vả mẹ phải trải qua trong cuộc đời.

Ẩn dụ “Cái trăng, cái Mặt Trời”- người con.

+ Điệp từ, điệp cấu trúc "Bàn tay mẹ", "À ơi này cái".

+ Âm hưởng thiết tha lời ru trên nền thơ lục bát

+ Cảm nhận nội dung

. Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ kiên cường và bền bỉ, dịu dàng và yêu thương, nhiệm màu hi sinh vì con.

. Ý nghĩa lời ru của mẹ thể hiện sự hi sinh cao cả của mẹ không chỉ với con mà là với người thân, với cả cộng đồng

**b.** **Lập dàn ý**đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về bài thơ theo gợi ý:

\* **Mở đoạn:** giới thiệu tên bài thơ “*À ơi tay mẹ*” của nhà thơ Bình Nguyên là một bài thơ xúc động viết về tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu và những hi sinh của mẹ với con.

\* **Thân đoạn:**

**Ấn tượng về bài thơ là ở điểm gì?**

**- Nhan đề:** *“À ơi tay mẹ*” khơi gợi xúc cảm về lời ru và hình ảnh đôi bàn tay mẹ, đó là biểu tượng sâu đậm về hình ảnh người mẹ tần tảo, dịu dàng.

- Nghệ thuật đặc sắc: có thể chọn một trong những vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ như:

+ Thể thơ lục bát tạo âm hưởng đằm thắm, tha thiết, bình dị gần gũi diễn tả xúc cảm trong lòng mẹ.

+ Nhiều hình ảnh ẩn dụ gần gũi để chỉ mẹ, chỉ con; điệp từ, điệp cấu trúc, cách sử dụng từ “vẫn”

- Nội dung:

+ Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ được khắc họa qua nhiều hình ảnh thơ giàu sức khái quát:

+ + Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên "chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng".

+ + Mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con "bàn tay mẹ dịu dàng" gọi con là “cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi, cái Mặt Trời bé con”.

+ + M**ẹ hi sinh vì con “bàn tay mang phép nhiệm màu”, cách gọi con “cái mặt trời bé con” ẩn dụ con là nguồn sống, hi vọng của mẹ. niềm yêu thương bao la.**

→**Khắc họa hình ảnh người mẹ tảo tần, hi sinh, luôn hết lòng vì con.**

→**Người mẹ luôn ẩn chứa sức mạnh phi thương để bảo vệ con trước mọi bão dông của cuộc đời.**

+ Ý nghĩa lời ru của mẹ

+ + Nghĩ cho đứa con yếu ớt, nhớ nhung mẹ:

* "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" → xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết. → Sự ấm áp đến từ lời ru, từ trái tim người mẹ.
* "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ" → thương cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ.

+ + Nghĩ cho mẹ, cho bà: "sóng lặng bãi bồi", "mưa không dột chỗ bà ngồi khâu".

+ + Nghĩ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau".

+ **+ Mẹ vì mọi người mà quên mất bản thân mình**"À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".

→ Đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ.

+Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con; phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trú

+ Bài thơ khơi dậy tình cảm cao đẹp: tình yêu, đức hi sinh, nỗi vất vả...của mẹ dành cho con, cho cuộc đời.

**\* Kết đoạn:**

Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp ta về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

**Đoạn văn tham khảo:**

Ai đã từng đọc bài thơ “*À ơi tay mẹ”* của nhà thơ Bình Nguyên thì đều rưng rưng xúc động về tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu và những hi sinh của mẹ với con. Ngay nhan đề:“*À ơi tay mẹ”* đã khơi gợi xúc cảm về lời ru và hình ảnh đôi bàn tay mẹ. Đó là biểu tượng sâu đậm về hình ảnh người mẹ tần tảo, dịu dàng, gần gũi !. Bình Nguyên đưa ta về với âm hưởng đằm thắm, tha thiết, bình dị của thể thơ lục để diễn tả xúc cảm trong lòng mẹ. Trước hết, bài thơ khắc họa vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ qua nhiều hình ảnh thơ giàu sức gợi. Nổi bật nhất bài thơ là hình ảnh hóan dụ “*đôi bàn tay mẹ”*, đoi bàn tay tượng trưng cho chính người mẹ ! Hình ảnh ẩn dụ “chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng" đã ca ngợi mẹ luôn mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con. Cho con được hạnh phúc, bình yên, mẹ sẵn sàng "chắn mưa sa", "chặn bão qua mùa màng". Mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con với "bàn tay mẹ dịu dàng". Cách mẹ gọi con mới thiết tha, trìu mến nhường nào “cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi, cái Mặt Trời bé con”. Mỗi hình ảnh ẩn dụ như thế đã gợi đến tình yêu sâu thẳm của mẹ với con. Với mẹ, **con là nguồn sống, hi vọng của mẹ, là niềm yêu thương bao la. Hình ảnh “*bàn tay mang phép nhiệm màu”* ẩn dụ cho người mẹ luôn ẩn chứa những gì tốt đẹp nhất trong cuộc đời mà mẹ dành cho con.** Bằng tình yêu, sự biết ơn mẹ, nhà thơ suy ngẫm về ý nghĩa lời ru của mẹ. Trong lời ru, mẹ gửi ý nghĩ của mình cho đứa con yếu ớt, nhớ nhung mẹ. Hình ảnh "mềm ngọn gió thu", "tan đám sương mù lá cây" cho thấy lời ru của mẹ đã xua tan đi cái rét mướt, lạnh lẽo của thời tiết. Lời ru mang lại sự ấm áp cất lên từ trái tim người mẹ. Đó còn là tình thương cho đứa con còn nhỏ, chưa phát triển đầy đủ, thương con khi phải xa mẹ "cái khuyết tròn đầy", "cái thương cái nhớ".  Lời ru chất chứa bao trăn trở của mẹ cho cả mọi người, cho cuộc đời: "cho đời nín đau". Bài thơ khép lại bằng lời ru "À ơi...Mẹ chẳng một câu ru mình".  **Mẹ vì mọi ngýời mà quên mất bản thân mình.**Đức hi sinh cao cả, thiêng liêng của người mẹ. Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con; phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc. Bài thơ khơi dậy tình cảm cao đẹp: tình yêu, đức hi sinh, nỗi vất vả...của mẹ dành cho con, cho cuộc đời. Qua bài thơ, ta nhận thấy tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng cao quý biết bao, phải là người con yêu mẹ tha thiết, luôn tự hào, biết ơn, trân trọng và nhớ thương mẹ,thì Bình Nguyên mới mang đến những vần thơ lục bát xúc động về mẹ như thế!

**Hoạt động : Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao đề cho HS về nhà lập dàn ý, sau đó viết hoàn thành bài hoàn chỉnh.

**Đề bài 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Việt Nam đất nước ta ơi*

*​Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*

*Cánh cò bay lả rập rờn*

*​Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.*

(Trích*Bài thơ Hắc Hải –*Nguyễn Đình Thi)

**Câu 1**.  Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?  
**Câu 2.**  Nêu nội dung chính của đoạn thơ.  
**Câu 3.**  Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ trên?

**Câu 4.** Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến bài ca dao nào? Dựa vào đâu mà em có được liên tưởng đó?  
Trả lời :  
**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: Biểu cảm  
**Câu 2.**  Nêu nội dung chính của đoạn thơ:

Đoạn thơ khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam, đồng thời tác giả gửi gắm tình yêu và niềm tự hào của mình về đất nước quê hương.  
**Câu 3.**  Chỉ ra từ láy: mênh mông, rập rờn

* Tác dụng của việc sử dụng các từ láy trong đoạn thơ trên:

+ Những từ láy trên góp phần khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước. Từ láy “mênh mông” gợi ra không gian bao la bát ngát của cánh đồng lúa. Từ láy “rập rờn” gợi sự chuyển động mềm mại, uyển chuyển của cánh cò đang sải cánh bay.

+ Từ láy đó đã góp phần tả cảnh đẹp thiên nhiên quê hương, làm cho những cảnh vật hiện lên chân thực, gần gũi, thanh bình, giản dị, mộc mạc; đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của đất nước.

**Câu 4.** Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến bài ca dao nào? Dựa vào đâu mà em có được liên tưởng đó?  
Ý 1: Đoạn thơ trên giúp HS liên tưởng đến bài ca dao cụ thể; HS viết được theo trí nhớ

Y2: HS phải đưa ra lí do thuyết phục về mối liên hệ giữa VB Việt Nam quê hương tôi với bài ca dao mà HS chọn đưa ra:

Có thể có các cơ sở để HS tìm bài cao dao:

* Cùng chủ để tình yêu quê hương đất nước.
* Cùng xuất hiện một trong những hình ảnh khá tương đồng như: hình ảnh cánh đồng lúa, cánh cò trắng, ...gợi đến vẻ đẹp của làng quê.

(HS đưa ra bài ca dao mà không tìm được mối liên quan về chủ đề, hình ảnh, cảm xúc thì không cho điểm)

Ví dụ:

- Con cò bay lả bay la

Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng.

* Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng mênh mông bát ngát....

Đề bài:

1. Hãy tự vẽ hoặc sưu tầm một số hình ảnh về quê hương, đất nước và viết một đoạn văn khoảng 150 – 200 chữ giới thiệu về bộ sưu tập của mình.

2. Viết một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nêu viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ** : HS thực hiện ở nhà.

**B3: Báo cáo sản phẩm:**

**B4: Đánh giá, chốt kiến thức.**

- Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh)

**1. Tổ chức bình chọn.**

**+** GV đưa ra tiêu chí bình chọn.

+ Cá nhân hoặc nhóm nhận phiếu tiêu chí và tiến hành bình chọn.

+ Thu phiếu đánh giá.

+ Công bố kết quả bình chọn và trao phần thưởng

**Một số tiêu chí bình chọn sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt/không đạt** |
| Sự phù hợp của hình ảnh với đề bài |  |
| Sự phù hợp của đoạn văn với hình ảnh |  |
| Có dẫn nguồn thông tin rõ ràng về các hình ảnh đã sử dụng |  |

**2. Trò chơi: Tìm về địa điểm du lịch hấp dẫn (chủ đề quê hương)**

**-** Sản phẩm nào được bình chọn cao nhất thì tác giả của sản phẩm đó sẽ đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về địa điểm du lịch này.

- Nêu ấn tượng khi nghe hướng dẫn viên giới thiệu (Nhận xét)

|  |
| --- |
| **Yêu cầu:**  - Nội dung : cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  - Đoạn văn: 5 - 7 câu  **Các bước tiến hành**  - Mở đoạn: giới thiệu về danh lam thắng cảnh nào em sẽ chọn: tên, địa điểm, giới thiệu vẻ đẹp khái quát nhất.  - Thân đoạn: Ấn tượng cảm xúc về danh lam thắng cảnh ấy là gì: về địa hình, cảnh sắc thiên nhiên, con người, nét đẹp văn hóa....như thế nào (yêu mến, tự hào, khao khát tìm hiểu, muốn quảng bá rộng rãi để mọi người biết ...)  - Kết đoạn: khẳng định vẻ đẹp của danh lam đó, ý thức muốn bảo về, giữ gìn danh lam. |

**Đoạn văn tham khảo:** (Tham khảo đề 2 bài Nói- nghe: Về Đền Trần Nam Định)

**Hoạt động: Bổ sung**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.